



## LSD Đề cương

Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)



Scan to open on Studocu

**CHƯƠNG 1. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)**

**I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)**

- 1. Bối cảnh ra đời
- 2. NAQ chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng
- 3. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh đầu tiên của Đảng
- 4. Ý nghĩa

**1. Bối cảnh lịch sử**

**a. Tình hình thế giới**

- 1. **Sự xuất hiện của Chủ nghĩa Đế quốc**
  - Từ nửa sau thế kỷ XIX, Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển từ tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền (chủ nghĩa đế quốc).
  - Các nước phương Tây đẩy mạnh tiến hành xâm lược và áp bức các dân tộc thuộc địa ở các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh nhằm mở rộng nền kinh tế, chiếm đoạt tài nguyên, bóc lột lao động, hoặc tìm cách xuất khẩu các hàng hóa và tư bản dư thừa.
- 2. **Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ:** GCTS đổ gánh nặng chiến tranh lên đầu nhân dân chính quốc và NDL các nước thuộc địa như Việt Nam.
- 3. **Phong trào đấu tranh của GCVS** chống lại giai cấp tư sản ở chính quốc thì **phong trào giải phóng dân tộc** ở các nước thuộc địa → tác động đến phong trào yêu nước Việt Nam.
- 4. **Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917** - cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi đầu tiên trong lịch sử nhân loại đã làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới.
- 5. **Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản** (Quốc tế III) do Lênin đứng đầu được **thành lập**, trở thành tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản thế giới.
  - Vạch ra đường hướng chiến lược cho cách mạng vô sản + Hoàn thiện chiến lược, sách lược về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
  - Tuyên truyền tư tưởng cách mạng vô sản + Thúc đẩy phong trào cách mạng vô sản phát triển.→ Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản đã ảnh hưởng sâu sắc và thức tỉnh phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam.

**b. Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng**

**b.1. Tình hình Việt Nam**

- Chế độ phong kiến ở Việt Nam đang lâm vào khủng hoảng
  - Ngày 1/9/1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại Đà Nẵng.
  - Triều đình nhà Nguyễn từng bước đầu hàng Pháp, đến ngày 6/6/1884, với Hiệp ước Patonot, hoàn toàn đầu hàng thực dân Pháp.
  - Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp.
  - Chính sách cai trị của Pháp đã làm xã hội Việt Nam biến chuyển sâu sắc.

**Chính sách cai trị của thực dân Pháp**

**1. Về chính trị**

- Thi hành chính sách cai trị thực dân
  - Tước bỏ quyền lực đối nội, đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn
  - Đàn áp đẫm máu các phong trào yêu nước của người Việt Nam, mọi quyền tự do bị cấm.
  - “Chia để trị” - chia rẽ ba nước Đông Dương, chia VN thành ba kỳ (Bắc, Trung, Nam) và lập ra “Liên bang Đông Dương thuộc Pháp”.
- 
- Kết quả:**
- Nhân dân bị bóp nghẹt tự do dân chủ, các cuộc đấu tranh yêu nước bị ngăn cấm, đàn áp khốc liệt.

**2. Về kinh tế**

- Pháp tiến hành hai cuộc khai thác thuộc địa, (1897 - 1914) và (1919 - 1929)
    - + Biến Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của “chính quốc”,
    - + Ra sức vơ vét tài nguyên, bóc lột sức lao động rẻ mạt của người bản xứ
    - + Nhiều hình thức thuế khóa nặng nề.
  - Khai thác trên mọi yếu tố trong nền kinh tế:
    - + Nông nghiệp: cướp ruộng đất, lập đồn điền.
    - + Công nghiệp: khai thác khoáng sản như than, kim loại.
    - + Xây dựng hệ thống giao thông vận tải phục vụ quá trình khai thác.
    - + Thương nghiệp: độc chiếm thị trường Việt Nam, đánh các thuế mới, nặng nhất là thuế muối, rượu, thuốc phiện.
- 
- Kết quả:**
- Cuộc khai thác của Pháp đã làm xuất hiện nền công nghiệp thuộc địa mang yếu tố thực dân; thành thị theo hướng hiện đại ra đời; nền kinh tế hàng hoá bước đầu xuất hiện, tính chất tự cung tự cấp của nền kinh tế cũ bị phá vỡ.
  - Tài nguyên thiên nhiên cùng kiệt, nông nghiệp dậm chân tại chỗ, công nghiệp ↑ nhỏ giọt, thiếu hẳn công nghiệp nặng.
  - Đời sống nhân dân vô cùng khổ cực, nền kinh tế què quặt, cơ bản vẫn là nền sản xuất nhỏ, lạc hậu và phụ thuộc.

**3. Về văn hóa**

- Thực hiện chính sách giáo dục “ngu dân”: lập nhà tù nhiều hơn trường học, duy trì tệ nạn xã hội, khuyến khích mê tín dị đoan, bưng bít, ngăn chặn nền văn hóa tiến bộ, dùng rượu cồn và thuốc phiện để đầu độc người dân Việt Nam, ra sức tuyên truyền “khai hóa văn minh” của Pháp.
- 
- Kết quả:**
- Một số tiêu cực như mù chữ, tệ nạn xã hội,..

**Hậu quả**

- 1. Tính chất xã hội thay đổi
- 2. Kết cấu giai cấp và thái độ giai cấp thay đổi
- 3. Mâu thuẫn xã hội

1. **Tính chất xã hội thay đổi:** Việt Nam từ một xã hội phong kiến độc lập trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.
2. **Kết cấu giai cấp và thay đổi giai cấp thay đổi:** Giai cấp cũ phân hóa, giai cấp mới xuất hiện với địa vị KT khác nhau.
  - (1) Giai cấp địa chủ: là giai cấp bị phân hóa sâu sắc (4 kiểu)
    - Cấu kết với thực dân Pháp và làm tay sai đắc lực cho Pháp;
    - Tham gia vào phong trào chống Pháp và bảo vệ chế độ phong kiến, tiêu biểu là phong trào Cần Vương;
    - Lãnh đạo phong trào nông dân chống Pháp và chế độ phong kiến;
    - Một bộ phận nhỏ chuyển sang làm kinh doanh đi theo con đường tư bản.
  - (2) Giai cấp nông dân: chiếm 90% dân số, bị bóc lột nặng nề, có tinh thần đấu tranh kiên cường, là LL đông đảo không thể thiếu của CM.
  - (3) Giai cấp công nhân
    - Được hình thành gắn với các cuộc khai thác thuộc địa của Pháp.
    - Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm nổi bật: ra đời trong hoàn cảnh một nước thuộc địa nửa phong kiến, chủ yếu xuất thân từ nông dân, lực lượng còn ít, trình độ thấp nhưng đã sớm vươn lên tiếp nhận tư tưởng tiên tiến của thời đại, là giai cấp duy nhất có sứ mệnh và khả năng lãnh đạo cách mạng đi đến thành công.
  - (4) Giai cấp Tư sản: là giai cấp xuất hiện muộn hơn giai cấp công nhân.
    - Một bộ phận theo thực dân Pháp, trở thành tư sản mại bản.
    - Một bộ phận là tư sản dân tộc, bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm, bị lệ thuộc, yếu ớt về KT. → phá sản rơi vào hàng ngũ NLĐ → có tinh thần dân tộc, yêu nước nhưng không có khả năng tập hợp các giai tầng để tiến hành cách mạng.
  - (5) Tầng lớp tiểu tư sản
    - Bao gồm những tiểu thương, tiểu chủ, sinh viên,...
    - Bị Pháp chèn ép, khinh miệt do đó có tinh thần dân tộc, yêu nước và rất nhạy cảm về chính trị.
    - Tuy nhiên, địa vị kinh tế bấp bênh, thái độ hay dao động, thiếu kiên định → không thể lãnh đạo cách mạng.
3. **Mâu thuẫn xã hội:** 2 mâu thuẫn cơ bản
  - (1) Mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến (là mâu thuẫn vốn có trong xã hội phong kiến)
  - (2) Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp xâm lược và bọn tay sai (mâu thuẫn mới xuất hiện sau khi Pháp xâm lược)

## b.2. Các phong trào yêu nước trước khi có Đảng

### 1. Phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến

- (1) Phong trào Cần Vương
  - Là tập hợp hệ thống các cuộc khởi nghĩa vũ trang diễn ra trên phạm vi cả nước từ năm 1885 đến năm 1896 với sự hưởng ứng từ chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi.
  - Nhưng do hoạt động riêng lẻ chưa có sự thống nhất giữa các cuộc khởi nghĩa lớn → thiếu sự lãnh đạo và tính liên kết → thất bại.
- (2) Phong trào nông dân Yên Thế (Bắc Giang)
  - Với sự lãnh đạo của Hoàng Hoa Thám, phong trào đã đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp trong gần 30 năm.
  - Nhưng phong trào của Hoàng Hoa Thám vẫn mang nặng "cốt cách phong kiến", không có khả năng mở rộng hợp tác và thống nhất tạo thành một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, cuối cùng cũng bị thực dân Pháp đàn áp.

### 2. Phong trào yêu nước theo trào lưu dân chủ tư sản

- (1) Xu hướng bạo động của Phan Bội Châu
  - Chủ trương tập hợp lực lượng với phương pháp bạo động chống Pháp, xây dựng chế độ chính trị như ở Nhật Bản.
  - Đưa sinh viên sang Nhật học hay thành lập tổ chức "Việt Nam Quang phục hội".
- (2) Xu hướng cải cách của Phan Chu Trinh
  - Phan Chu Trinh cho rằng phải "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" tức là cải cách đất nước, phải bãi bỏ chế độ quân chủ, thực hiện dân quyền, khai thông dân trí, mở mang thực nghiệp. → Sai lầm là lại đề nghị Pháp cải tiến
- (3) Phong trào của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng
  - Mục đích đánh đuổi thực dân Pháp, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản,...
  - Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) tuy oanh liệt nhưng nhanh chóng thất bại

- Nguyên nhân thất bại: do thiếu đường lối chính trị đúng đắn để giải quyết triệt để những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu của xã hội, chưa có một tổ chức vững mạnh để tập hợp, giác ngộ và lãnh đạo toàn dân tộc, chưa xác định được phương pháp đấu tranh thích hợp để đánh đổ kẻ thù.
- Cần có một hệ tư tưởng mới, một tổ chức cách mạng tiên phong, với đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

## 2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

### a. Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam

- 6/1911, Nguyễn Tất Thành quyết định đi tìm đường cứu nước.
- Khi nghiên cứu, xem xét Cách mạng tư sản Mỹ (1776) và Cách mạng tư sản Pháp (1789). → Người kết luận những cuộc cách mạng tư sản là "những cuộc cách mạng không đến nơi".
- Năm 1917, thắng lợi của CMT10 Nga đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức của Nguyễn Tất Thành → Người tìm hiểu về CMT10 Nga, về V.I.Lênin.
- Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp. Tháng 6/1919, tại Hội nghị Vecxay (Pháp), Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam nhưng không được đáp ứng → Người hiểu rõ hơn về bản chất của đế quốc, thực dân.
- Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Sau khi nghiên cứu, phân tích kỹ lưỡng, Người khẳng định: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"
- Tháng 12/1920, tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế cộng sản và tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp - là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam.

## b. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng cộng sản

### 1. Về tư tưởng

- Người tích cực viết báo, các tờ báo như *Người cùng khổ*, *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân*, đặc biệt là tác phẩm *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* (xuất bản năm 1925) để tố cáo, lên án bản chất áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân đối với các nước thuộc địa. → Người chỉ rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân không riêng VN.
- Năm 1927, cuốn *"Đường Kách Mệnh"* được xuất bản → Chỉ rõ con đường, mục tiêu, lực lượng và phương pháp đấu tranh của cách mạng cũng như những điều kiện về tư tưởng, lý luận, chính trị và tổ chức để thành lập Đảng.

### 2. Về chính trị

- (1) Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc. Đường lối chính trị của Đảng cách mạng phải hướng tới giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào, hướng tới xây dựng nhà nước mang lại quyền lợi cho nhân dân.
- (2) Nguyễn Ái Quốc xác định cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau.
- (3) Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ nông dân được xem là động lực của cách mạng.
- (4) Về Đảng Cộng sản, Người cho rằng: "CM trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy".

### 3. Về tổ chức: "Hội Việt Nam cách mạng thanh niên"

#### (1) Về nhiệm vụ

- + Giác ngộ thanh niên yêu nước về con đường CMVS thông qua lớp huấn luyện tại Quảng Châu, Trung Quốc từ năm 1925-1927.
- + Đồng thời, truyền bá CNMLN vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước VN để hướng quần chúng theo con đường CMVS.

#### (2) Về hoạt động

- + Xuất bản tờ báo *Thanh niên* để tuyên truyền mục đích của Hội, tuyên truyền CNMLN và phương hướng phát triển của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam. Báo in bằng tiếng Việt và ra hàng tuần, mỗi số in khoảng 100 bản. (Từ 1925 - 1927 ra được 88 số)
- + Tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách để đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị cho thanh niên, những người yêu nước tích cực. (Từ 1925 - 1927 tổ chức được 10 lớp)
- + Tổ chức thực hiện phong trào "Vô sản hóa", "Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên" đã phát triển cơ sở trong nước, các kỳ bộ được thành lập trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

## 3. Thành lập Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

### a. Các tổ chức cộng sản ra đời

- Sự nỗ lực của Nguyễn Ái Quốc và "Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên" đã thúc đẩy phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, nâng cao ý thức giác ngộ và lập trường cách mạng của giai cấp công nhân.
- Đến năm 1929, trước **sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Việt Nam**, tổ chức "Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên" không còn thích hợp và đủ sức lãnh đạo phong trào.
- Vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" diễn ra tại Hồng Kông từ ngày 1-9/5/1929 **đặt vấn đề về thành lập Đảng cộng sản nhưng không đạt được sự thống nhất**.
- Tháng 8/1929, **Hội đã bị phân hóa** → dẫn đến sự ra đời các tổ chức cộng sản.

(1) Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929): đại biểu các tổ chức cộng sản ở Bắc Kỳ. Lấy cờ đỏ búa liềm làm Đảng Kỳ và xuất bản báo Búa liềm làm cơ quan ngôn luận.

(2) An Nam Cộng sản Đảng (11/1929): cơ sở các chi bộ ở Nam Kỳ và tại Khánh Hội (Sài Gòn), Đảng quyết định xuất bản Tạp chí Bonsoviich.

(3) Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9/1929) được ra đời dựa trên hoạt động của "Hội Tân Việt cách mạng Đảng" ở Trung Kỳ.

→ **3 tổ chức cộng sản ở ba miền đều tuyên bố ủng hộ Quốc tế Cộng sản và đều tự nhận là đảng cách mạng chân chính, nên không tránh khỏi sự phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất, đoàn kết về tổ chức trên cả nước.**

### b. Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

- Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng để tiến hành Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam.
- Hội nghị hợp nhất đảng diễn ra tại Cửu Long, Trung Quốc bắt đầu họp ngày 6/1/1930 với 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng, 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc - đại biểu của Quốc tế Cộng sản.
- Ngày 24/2/1930, "Đông Dương Cộng sản Liên đoàn" đã xin gia nhập thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất. Hội nghị hoàn toàn nhất trí, tán thành việc hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất.

→ **Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức ra đời; thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng.**

### c. Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- Các văn kiện *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt* đã phản ánh đường hướng phát triển và những vấn đề cơ bản về chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, đây được coi là *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. **Xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng: tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.**

2. **Xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng**

(1) Chống đế quốc và chống phong kiến là nhiệm vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc, trong đó chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc được đặt ở vị trí hàng đầu.

(2) Về phương diện xã hội: dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo công nông hóa,...

(3) Về phương diện kinh tế: thủ tiêu hết các thứ quốc trái, thu hết sản nghiệp lớn (công nghiệp, vận tải, ngân hàng,...) của tư bản đế quốc Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý, thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo, bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, thi hành luật ngày làm tám giờ,...

### 3. Xác định lực lượng cách mạng

- (1) Động lực chính là giai cấp công nhân và nông dân, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo.
- (2) Tiểu tư sản, trí thức, trung nông, thanh niên... phải lôi kéo về phía cách mạng.
- (3) Phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản dân tộc chưa ra mặt phản CM thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập.
- (4) Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ.

4. **Xác định phương pháp tiến hành cách mạng:** con đường bạo lực cách mạng của quần chúng, không thỏa hiệp trong bất cứ hoàn cảnh nào

5. **Xác định vấn đề đoàn kết quốc tế:** CMVN là bộ phận của CM thế giới. Liên hệ với giai cấp vô sản thế giới nhất là giai cấp vô sản Pháp.

6. **Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng:** Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản và phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.

- Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã
  - + Phản ánh cơ bản các vấn đề thuộc về chiến lược của cách mạng Việt Nam.
  - + Từ đó, các văn kiện đã xác định đường lối chiến lược và sách của cách mạng Việt Nam, đồng thời xác định phương pháp, nhiệm vụ và lực lượng của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đã đề ra.

### 4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt sự khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước, đưa CMVN sang một bước ngoặt lịch sử vĩ đại
- Sự ra đời của ĐCSVN là sản phẩm của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước VN.
- Cương lĩnh đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã khẳng định: lần đầu tiên cách mạng Việt Nam có một bản cương lĩnh chính trị phản ánh đúng quy luật khách quan, đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.
- Sự ra đời của ĐCSVN với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã khẳng định sự lựa chọn con đường CM cho dân tộc VN - con đường CMVS.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, trở thành nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

## II. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945)

### 1. Phong trào cách mạng giai đoạn 1930-1935

#### a. Cao trào cách mạng giai đoạn 1930-1931 và Luận cương chính trị (10/1930)

##### a.1. Cao trào cách mạng giai đoạn 1930-1931

- **Cuộc khủng hoảng kinh tế giai đoạn 1929 - 1933** ảnh hưởng đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, làm cho mọi hoạt động sản xuất đình đốn. Thực dân **Pháp tăng cường bóc lột** nhân dân thuộc địa **làm cho mâu thuẫn** giữa dân tộc Việt Nam với Pháp **ngày càng gia tăng**.
  - + Từ T1 - T4/1930, trên khắp cả nước các cuộc đấu tranh, bãi công của công nhân nổ ra liên tiếp như nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm Bến Thủy,...
  - + Từ T6 - 7/1930 đã nổ ra 121 cuộc đấu tranh. Đặc biệt, ở vùng nông thôn, hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nổ ra nhiều cuộc biểu tình lớn của nông dân. Bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai ở nhiều nơi tan rã. Các tổ chức Đảng đã nắm quyền quản lý mọi mặt đời sống của nhân dân, nhiệm vụ một chính quyền cách mạng dưới hình thức các ủy ban tự quản theo mô hình Xô Viết.
  - + Khi chính quyền Xô viết ra đời và cũng là lúc phong trào cách mạng lên tới đỉnh cao nhất. Từ cuối năm 1930, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp khốc liệt với những thủ đoạn chính trị dã man. Hàng nghìn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt, bị giết hoặc bị tù đầy. Đến tháng 4-1931, toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương Đảng bị bắt. Các tổ chức quần chúng hầu như bị tan rã hết.

→ Mặc dù thất bại nhưng phong trào đấu tranh những năm 1930-1931, đã khẳng định năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Cao trào cũng để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cho cách mạng, nhất là kinh nghiệm "về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược phản đế và phản phong kiến, kết hợp phong trào đấu tranh của công nhân với phong trào đấu tranh của nông dân, thực hiện liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân; kết hợp phong trào cách mạng ở nông thôn với phong trào cách mạng ở thành thị, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang v.v..."<sup>11</sup>.

##### a.2. Luận cương Chính trị tháng 10/1930 của Đảng cộng sản Đông Dương

1. **Bối cảnh ra đời:** Từ ngày 14 đến ngày 31/10/1930, Ban Chấp hành Trung ương họp **Hội nghị lần thứ nhất** tại Hương Cảng tức Hồng Kông (Trung Quốc), quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.
2. **Nội dung chính:** Thay cho Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam là "Luận cương chính trị" của Đảng Cộng sản Đông Dương với các nội dung chính như sau:
  - (1) Mâu thuẫn giai cấp diễn ra gay gắt giữa một bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ phong kiến và tư bản đế quốc.
  - (2) Phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương: Tư sản dân quyền là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng, sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa đấu tranh thắng lên con đường XHCN.
  - (3) Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền: đánh đổ phong kiến, thực hành triệt để thổ địa cách mạng; đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ có quan hệ khăng khít với nhau, trong đó thổ địa cách mạng là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền.
  - (4) Về lực lượng cách mạng: giai cấp vô sản và nông dân là động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó vô sản là động lực mạnh và chính.
  - (5) Về lãnh đạo cách mạng: Đảng xác định: điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một ĐCS có một đường lối chính trị đúng có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành.
  - (6) Về phương pháp cách mạng: Phải dùng vũ trang bạo động và theo khuôn phép nhà binh.
  - (7) Về quan hệ quốc tế: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới.

→ **Luận cương chính trị đã khẳng định lại nhiều vấn đề thuộc về chiến lược của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, Luận cương chính trị chưa chỉ rõ được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam, chưa nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Nguyên nhân có sự hạn chế đó là do chưa nhận thức đầy đủ về thực tiễn cách mạng Việt Nam và chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh.**

## b. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội lần thứ nhất của Đảng (3/1935)

- **Bước sang năm 1931, thực dân Pháp tiến hành khủng bố ngày càng dữ dội** do đó cách mạng bị tổn thất nặng nề từ tư tưởng cho đến lực lượng. Rất nhiều chiến sĩ cách mạng, nhân dân của ta bị thực dân Pháp bắt làm tù binh, bị giết. Cách mạng Việt Nam bị tổn thất nặng nề và bước vào một giai đoạn đấu tranh cực kỳ gian khổ. Ngày 18/4/1931, đồng chí Trần Phú bị địch bắt. Trước tình hình đó, **Đảng chủ trương khôi phục tổ chức đảng.**
  - **Chủ trương khôi phục phong trào được tiến hành khắp nơi, đặc biệt trong các nhà tù của thực dân Pháp**, Đảng ta chỉ đạo tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng cho đảng viên về lý luận Mác-Lênin, đường lối chính trị của Đảng, kinh nghiệm vận động cách mạng; tổ chức học văn hóa, ngoại ngữ v.v. Các chiến sĩ trong nhà tù đấu tranh vô cùng anh dũng.
  - **Đầu năm 1932, Đảng ban bố Chương trình hành động của ĐCS Đông Dương**, đã **vạch ra nhiệm vụ trước mắt là khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng.**
  - **Đầu năm 1935, hệ thống tổ chức Đảng và phong trào quần chúng được phục hồi.**
    - + **Tháng 3/1935, Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng** họp ở Ma Cao (Trung Quốc), đề ra 3 nhiệm vụ trước mắt:
      - (1) củng cố và phát triển Đảng
      - (2) đẩy mạnh cuộc vận động tập hợp quần chúng
      - (3) mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh,...
    - + Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới do đồng chí Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư, bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản.
- Đại hội đánh dấu sự hồi phục hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào CM quần chúng, tạo điều kiện để bước vào một cao trào cách mạng mới.

## 2. Phong trào dân chủ giai đoạn 1936-1939

### a. Điều kiện lịch sử

#### 1. Tình hình thế giới

- Nhằm giải quyết những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế giai đoạn 1929-1933, giai cấp tư sản ở một số nước như Đức, Italia, Tây Ban Nha... chủ trương dùng bạo lực đàn áp phong trào đấu tranh trong nước và chuẩn bị phát động chiến tranh thế giới để chia lại thị trường. **Chủ nghĩa Phát xít xuất hiện và tạm thời thắng thế** ở một số nơi. Nguy cơ chủ nghĩa Phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.
- Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản (7/1935) xác định:
  - (1) Kẻ thù trước mắt là chủ nghĩa Phát xít;
  - (2) Nhiệm vụ trước mắt của nhân dân thế giới là chống chủ nghĩa Phát xít và chống chiến tranh để bảo vệ dân chủ và hòa bình;
  - (3) Để thực hiện nhiệm vụ này các Đảng cộng sản cần thống nhất lực lượng, thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi để đấu tranh (Mặt trận nhân dân Pháp thành lập vào tháng 5/1935)

#### 2. Tình hình trong nước

- Thực dân Pháp tăng cường áp bức, bóc lột → Mâu thuẫn dân tộc VN và thực dân Pháp ngày càng đẩy lên cao dưới chính sách **khủng bố trắng** của Pháp.

## b. Chủ trương của Đảng: Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh

- Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh thể hiện trong các **Hội nghị lần thứ hai (7/1936), lần thứ ba (3/1937), lần thứ tư (9/1937), lần thứ năm (3/1938)**... của Ban chấp hành Trung ương Đảng.
  1. **Hội nghị lần thứ hai** Ban Chấp hành Trung ương Đảng (26/7/1936), họp tại Thượng Hải (Trung Quốc). **Hội nghị xác định nhiệm vụ là chống Phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo hòa bình.**
  2. **Hội nghị lần thứ ba** Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 3-1938) **nhấn mạnh: thành lập Mặt trận dân chủ thống nhất là nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại.**
    - + Văn kiện "Chung quanh vấn đề chiến sách mới" công bố vào tháng 10- 1936: Thể hiện nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ. Trong đó văn kiện nêu rõ: **Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc nhất định phải kết hợp chặt với cuộc cách mạng điền địa và tùy tình hình mà xác định vấn đề nào trước, vấn đề nào sau.**
    - + Theo sáng kiến của Đảng, Hội truyền bá Quốc ngữ ra đời. Từ cuối năm 1937 phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh.
    - + **Hội nghị Trung ương Đảng (30/3/1938) quyết định thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương để tập hợp lực lượng.**
    - + Bản "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc" thông qua vào tháng 3/1939, Đảng kêu gọi các tầng lớp nhân dân thống nhất hành động hơn nữa.

## c. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình

#### 1. Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, **cuộc vận động dân chủ** diễn ra trên quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú như:
  - + Quần chúng đã biến cuộc đón rước phái viên Chính phủ Pháp "Goda" thành cuộc biểu tình, thị uy lực lượng;
  - + Phong trào biểu tình, mít tinh của quần chúng phát triển mạnh từ 1937-1939, tiêu biểu là cuộc tổng bãi công của Công ti than Hòn Gai (11/1936);
  - + Cuộc mít tinh khổng lồ tại quảng trường Nhà Đấu Xảo Hà Nội (1/5/1938) thu hút hơn 2,5 vạn người tham gia.

#### 2. Đấu tranh nghị trường

- Đây là hình thức đấu tranh mới, Đảng chủ trương vận động để **đưa người** của Đảng và Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra ứng cử tham gia **vào cuộc bầu cử thành lập các cơ quan** như: Viện Dân biểu Bắc Kỳ, Viện Dân biểu Trung Kỳ,... với mục đích là mở rộng lực lượng của Mặt trận Dân chủ và vạch trần chính sách phản động của bọn thực dân và tay sai, bênh vực quyền lợi của nhân dân lao động.

#### 3. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí

- Đảng xuất bản nhiều tờ báo công khai: Tiền Phong, Dân Chúng, Lao động, Tin tức... với nhiều tác phẩm văn học hiện thực phê phán, thơ ca cách mạng, nhiều sách chính trị - lý luận được xuất bản. → Báo chí cách mạng trở thành mũi nhọn xung kích.
- Từ cuối năm 1937 phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh.

→ **Kết quả: Phong trào đấu tranh dân chủ thu được những kết quả to lớn, đông đảo các tầng lớp nhân dân được giác ngộ về con người, con đường cách mạng của Đảng.** Khi CTTG T2 bùng nổ (9/1939), thực dân Pháp đàn áp CM. Đảng rút vào hoạt động bí mật. Cuộc vận động dân chủ kết thúc.

**d. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ (1936 - 1939)**

- Phong trào dân chủ (1936-1939) kết thúc đã buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách cụ thể về dân sinh dân chủ.
- Quần chúng được giác ngộ và tham gia vào lực lượng chính trị hùng hậu.
- **Đây là cuộc tập dượt lần thứ hai của Đảng ta chuẩn bị lực lượng cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.**
- Qua cao trào 1936-1939, Đảng và nhân dân ta tích lũy được nhiều kinh nghiệm xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, tổ chức lãnh đạo quần chúng, đấu tranh công khai, hợp pháp, đấu tranh nội bộ và Đảng cũng nhận ra hạn chế của mình trong công tác mặt trận và vấn đề dân tộc.

**3. Phong trào giải phóng dân tộc giai đoạn 1939-1945**

**a. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng**

**a.1. Bối cảnh lịch sử**

1. *Tình hình thế giới*
  - Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ 1/9/1939, hai ngày sau, Pháp lao vào vòng chiến. Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ.
2. *Tình hình Việt Nam*
  - Pháp thực hiện chính sách thời chiến.
    - (1) Về chính trị: thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ của nhân dân, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật.
    - (2) Về kinh tế: thực hiện chính sách kinh tế chỉ huy.
    - (3) Về quân sự: thực hiện chính sách tổng động viên.
  - Ngày 22/9/1940, **Nhật vào Đông Dương**, thực dân Pháp đầu hàng và cầu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh **“một cổ hai tròng”**.

**a.2. Nội dung chủ trương chiến lược**

1. **Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11/1939)** đã
  - (1) Phân tích tình hình và chỉ rõ con đường cách mạng lúc này là con đường đánh đổ đế quốc Pháp. Hội nghị **nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đưa lên hàng đầu**.
  - (2) **Chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương**, thu hút tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương nhằm đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai.
    - Hội nghị 6 đã đáp ứng nhu cầu khách quan của lịch sử, **đưa nhân dân bước vào thời kỳ trực tiếp vận động giải phóng dân tộc**.
2. **Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương (11/1940)**
  - Sau hơn một tháng Nhật vào Đông Dương, Đảng cho rằng: “Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến hành, không thể cái làm trước, cái làm sau”.
  - **Trung ương Đảng vẫn còn trăn trở, chưa thật dứt khoát với chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu**.
3. **Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (5/1941)**.
  - Ngày 28/1/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, Người chủ trì Hội nghị Trung ương 8, Hội nghị bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư. Hội nghị lần thứ 8 nêu rõ những nội dung quan trọng:
    - (1) Thứ nhất, **nhấn mạnh mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc VN với đế quốc Pháp - Nhật**.
    - (2) Thứ hai, khẳng định dứt khoát **nhiệm vụ duy nhất là nhiệm vụ giải phóng dân tộc**
    - (3) Thứ ba, Hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc, ở Việt Nam, Đảng chủ trương **thành lập Mặt trận Việt Minh**, đồng thời phát huy sức mạnh đoàn kết ba dân tộc nhằm chống kẻ thù chung.
    - (4) Thứ tư, **tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc**. Các tổ chức quần chúng trong Mặt trận Việt Minh đều mang tên **“cứu quốc”**.
    - (5) Thứ năm, chủ trương sau khi **cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần dân chủ**.
    - (6) Thứ sáu, Hội nghị xác định **chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang** là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân. Hội nghị còn xác định những điều kiện chủ quan, khách quan và dự đoán thời cơ tổng khởi nghĩa.
  - Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã
    - + Hoàn chỉnh chủ trương chiến lược được đề ra từ Hội nghị lần thứ 6 (11/1939)
    - + Khắc phục triệt để những hạn chế của **Luận cương chính trị tháng 10/1930**
    - + Khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong **Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng** và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc.

**Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.**

- + Về lý luận: sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược góp phần hoàn chỉnh đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và khắc phục được những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10/1930.
- + Về thực tiễn: sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể và thúc đẩy phong trào đấu tranh CM cao.

**b. Phong trào chống Pháp - Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang**

- Sau khi phát xít Nhật vào Việt Nam khai thác, bóc lột, khiến cho tình hình cách mạng nước ta ngày càng khó khăn hơn.
- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, **các cuộc khởi nghĩa chống lại phát xít Nhật và thực dân Pháp liên tiếp nổ ra** như cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ và binh biến Đô Lương. Các cuộc đấu tranh này báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc đã chuẩn bị.
- **Ngày 25/10/1941, Mặt trận Việt Minh được thành lập** đáp ứng nguyện vọng cứu nước của đồng bào ta nên phong trào Việt Minh phát triển mạnh, mặc dù bị kẻ thù khủng bố rất dã man.
- **Năm 1943, Đảng công bố bản “Đề cương về văn hóa Việt Nam”, xác định văn hóa cũng là một trận địa cách mạng**, chủ trương xây dựng một nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: dân tộc (chống nô dịch và thuộc địa), khoa học (chống trái khoa học, phản tiến bộ) và đại chúng (phản ánh đông đảo quần chúng). → “Đề cương văn hoá Việt Nam” là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hoá, văn nghệ, phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hoá dưới ách Pháp - Nhật, **vạch ra đường lối văn hoá cách mạng và những nhiệm vụ trước mắt, tiến tới xây dựng nền văn hoá dân tộc, nhân dân**. Cuối năm 1944, Hội Văn hóa Cứu quốc ra đời.
- **Ngày 22/12/1944, “Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân” do Võ Nguyên Giáp làm chỉ huy**, ra đời ở Cao Bằng. Đây được xem là tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam sau này. **Đội đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, kết hợp đấu tranh chính trị và quân sự**, xây dựng cơ sở cách mạng.



### c. Cao trào kháng Nhật cứu nước

#### 1. Hoàn cảnh

- Đầu năm 1945, **CTTG T2 bước vào giai đoạn kết thúc**. Đồng Minh tiến gần tiêu diệt Phát xít. Phe Phát xít lâm vào tình trạng khủng hoảng.
- Ở Đông Dương ngày **9/3/1945, Nhật nổ súng đảo chính Pháp** cướp chính quyền nhằm độc chiếm Đông Dương. Sau khi đảo chính thành công, Nhật thi hành một loạt chính sách nhằm củng cố quyền thống trị.

#### 2. Chủ trương

- **Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12/3/1945)** họp mở rộng tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) để phân tích tình hình và chỉ thị chỉ rõ bản chất của cuộc đảo chính là tranh giành lợi ích giữa Nhật - Pháp
  - (1) **Chỉ thị xác định kẻ thù chính, cụ thể, trước mắt của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật**
  - (2) **Chỉ thị nhận định tình hình**: cuộc đảo chính đã tạo ra ở Đông Dương “một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc”, tuy nhiên, “**những điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi**” vì quân Pháp tan rã, song quân Nhật chưa đến mức hoang mang cực độ, các tầng lớp trung gian chưa ngã hẳn về phía cách mạng, đội quân tiên phong chưa sẵn sàng.
  - (3) **Chỉ thị đã vạch rõ những điều kiện về cuộc khởi nghĩa Đông Dương**
    - + “**Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ** để làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa. Cao trào ấy có thể bao gồm từ bất hợp tác, bãi công, bãi thị phá phách cho đến biểu tình thị uy vũ trang, du kích...”
    - + **Đồng thời “sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa một khi đã đủ điều kiện**”. Với tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong Chỉ thị là “phải hành động ngay, hành động cương quyết nhanh chóng, sáng tạo, chủ động táo bạo”.
    - + Thường vụ Trung ương Đảng đã xác định: **Nơi nào thấy so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng thì tiến hành khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền từng bộ phận, rồi tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc và không được y lại vào bên ngoài khi tình thế biến chuyển thuận lợi, mà phải dựa vào sức mình là chính.**
- **Ý nghĩa của bản Chỉ thị**: Chỉ thị đã xác định đúng kẻ thù, dự báo chính xác thời cơ cách mạng, linh hoạt, sáng tạo và chuẩn bị mọi điều kiện làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền về tay nhân dân khi thời cơ đến. Điều đó thể hiện tầm nhìn chiến lược, tư duy khoa học và nghệ thuật chỉ đạo cuộc cách mạng tài tình của Đảng ta trong công cuộc giải phóng dân tộc. Chỉ thị là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và của Mặt trận Việt Minh, ở các địa phương và cả nước trong cao trào kháng Nhật cứu nước, có tác dụng quyết định trực tiếp đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tám năm 1945.

#### 3. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước

- Từ tháng 3/1945 trở đi, cao trào Kháng Nhật cứu nước diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ, giải phóng được nhiều xã, châu, huyện ở các địa phương như Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Giang, Quảng Ngãi...
- Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị về việc tổ chức Ủy ban giải phóng Việt Nam.
- Tháng 5 và tháng 6/1945, khởi nghĩa từng phần nổ ra mạnh mẽ ở cả 3 miền.
- Ngày 4/6/1945 khu giải phóng chính thức được lập ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang và một số vùng lân cận như Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên... với khẩu hiệu “phá kho thóc, giải quyết nạn đói” đã ủng hộ người dân đứng dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Ủy ban lâm thời khu giải phóng được thành lập và thi hành các chính sách của Việt Minh. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa chính của cách mạng cả nước.
- Lực lượng tham gia cao trào kháng Nhật cứu nước không chỉ có sự tham gia đông đảo quần chúng công nhân, nông dân, tiểu thương, học sinh,... còn có tư sản dân tộc và một số địa chủ tham gia cách mạng.

→ **Ý nghĩa của cao trào**: trào kháng Nhật cứu nước là một cuộc khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ, giành chính quyền ở những nơi có điều kiện. Đó là một cuộc chiến đấu vĩ đại, làm cho trận địa cách mạng được mở rộng, lực lượng cách mạng được tăng cường, làm cho toàn Đảng, toàn dân sẵn sàng, chủ động, tiến lên chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.

### d. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

#### 1. Hoàn cảnh

- Giữa tháng 8/1945, **Chiến tranh Thế giới lần thứ hai kết thúc**. Phát xít Đức đầu hàng quân Đồng Minh. Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng quân Đồng Minh không điều kiện vào ngày 15/8/1945. **Chính quyền do Nhật dựng lên ở Đông Dương hoang mang cực độ**. Thời cơ cách mạng của toàn thể Đảng và nhân dân ta đã tới

#### 2. Quyết định khởi nghĩa: thể hiện trong “Hội nghị toàn quốc” của Đảng Cộng sản Đông Dương và “Đại hội quốc dân”

- (1) **Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 13-15/8/1945**. Hội nghị xác định những vấn đề quan trọng của tình hình mới:
  - + Phân tích tình hình và dự đoán: “**Quân Đồng minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương**”.
  - + **Quyết định phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa** giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Khẩu hiệu đấu tranh lúc này là: Phản đối xâm lược! Hoàn toàn độc lập! Chính quyền nhân dân!
  - + Xác định ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa là: tập trung, thống nhất và kịp thời.
  - + Xác định phương hướng hành động trong tổng khởi nghĩa:
    - Phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn;
    - Quân sự và chính trị phải phối hợp;
    - Phải làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hàng trước khi đánh.
    - Phải chớp lấy những căn cứ chính (cả ở các đô thị) trước khi quân Đồng Minh vào, thành lập ủy ban nhân dân ở những nơi đã giành được quyền làm chủ...
  - + Quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại cần thi hành sau khi giành được chính quyền.



(2) **Đại hội quốc dân (ngày 16/8/1945)**, họp tại Tân Trào - Sơn Dương - Tuyên Quang.

- + Về dự Đại hội có khoảng 60 đại biểu của các giới, các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng cứu quốc, các dân tộc, tôn giáo trong nước và đại biểu kiều bào ở nước ngoài.
- + **Đại hội tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.**

→ Như vậy, qua **Hội nghị toàn quốc và Đại hội quốc dân, chủ trương của Đảng thể hiện sự thống nhất về tư tưởng, hành động, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân.**

→ Ngay sau Đại hội quốc dân, HCM kêu gọi đồng bào cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!”.

3. **Diễn biến:** Dưới sự lãnh đạo của Đảng, khởi nghĩa diễn ra và lần lượt giành **thắng lợi trên cả nước**

#### 4. **Kết quả**

- Cách mạng Tháng Tám đã thành công vang dội.
- **Vào ngày 2/9/1945, thay mặt Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh đã đọc bản “Tuyên ngôn Độc lập” tại quảng trường Ba Đình khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.** Đây được xem là bước ngoặt lịch sử đối với nước ta, thể hiện tinh thần chiến đấu và ý chí giữ gìn nền độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam.

### 4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

#### a. Nguyên nhân thắng lợi

##### 1. Nguyên nhân khách quan

- Cách mạng tháng Tám được tiến hành trong bối cảnh quốc tế có những thuận lợi: Hồng quân Liên Xô thắng trận trong chiến tranh thế giới thứ 2, Chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật đã bị đánh bại, phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức và của các lực lượng tiến bộ trên thế giới phát triển mạnh.

##### 2. Nguyên nhân chủ quan

- Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt, khéo léo của Đảng
  - + Là sự vận dụng và phát triển CN Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta một cách đúng đắn, độc lập, tự chủ và sáng tạo.
  - + Đảng có phương pháp, chiến lược, chiến thuật cách mạng phù hợp, linh hoạt
  - + Nhận thức được thời cơ, chủ động đón thời cơ và kiên quyết chớp thời cơ, tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền cả nước.
- Cách mạng Tháng Tám thành công là do tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí quật cường của các tầng lớp nhân dân ta, không chịu sống mãi kiếp nô lệ của người dân mất nước; một lòng đi theo Đảng và được Đảng lãnh đạo qua các cuộc tổng diễn tập, đã quyết vùng lên giành độc lập cho dân tộc.
- Cách mạng Tháng Tám thành công là do sự chuẩn bị đầy đủ, chu đáo và trải qua 15 năm đấu tranh cực kỳ gian khổ và anh dũng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã có biết bao đồng bào, chiến sĩ đã không hề tiếc máu xương, hy sinh oanh liệt vì mục tiêu độc lập dân tộc.

#### b. Tính chất

##### 1. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình

- (1) Thứ nhất, tập trung hoàn thành **nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc**, tập trung giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với đế quốc xâm lược và tay sai; đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử và ý chí, nguyện vọng độc lập tự do của quần chúng nhân dân.
- (2) Thứ hai, **lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc**, đoàn kết chặt chẽ trong mặt trận Việt Minh với những tổ chức quần chúng mang tên “cứu quốc”, động viên đến mức cao nhất mọi lực lượng dân tộc lên trận địa cách mạng. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là sự vùng dậy của lực lượng toàn dân tộc.
- (3) Thứ ba, **thành lập chính quyền nhà nước “của chung toàn dân tộc”** theo chủ trương của Đảng, với hình thức cộng hòa dân chủ, chỉ trừ tay sai của đế quốc và những kẻ phản quốc, “còn ai là người dân sống trên giải đất Việt Nam đều thấy được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy”.

##### 2. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng có tính chất dân chủ

- (1) Một là, cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là **một bộ phận của phe dân chủ chống phát xít**. “Nó chống lại phát xít Nhật và bọn tay sai phản động và nó là một bộ phận của cuộc chiến đấu vĩ đại của các lực lượng dân chủ, tiến bộ trên thế giới chống phát xít xâm lược”<sup>18</sup>.
- (2) Hai là, cách mạng đã **giải quyết một số quyền lợi cho nông dân**, lực lượng đông đảo nhất trong dân tộc. Do Cách mạng Tháng Tám, một phần ruộng đất của đế quốc và Việt gian đã bị tịch thu, địa tô được tuyên bố giảm 25%, một số nợ lưu cữu được xóa bỏ.
- (3) Ba là, cuộc cách mạng **đã xây dựng chính quyền nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam**, xóa bỏ chế độ quân chủ phong kiến. Các tầng lớp nhân dân được hưởng quyền tự do, dân chủ.

→ **Tuy nhiên tính chất dân chủ chưa được đầy đủ và sâu sắc.** Vì cách mạng Tháng Tám chưa làm cách mạng ruộng đất, chưa thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng, chưa xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, chưa xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến để cho công nghiệp có điều kiện phát triển mạnh... quan hệ giữa địa chủ và nông dân nói chung vẫn như cũ.

#### c. Ý nghĩa

##### 1. Đối với dân tộc

- (1) **Đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế** ngót nghìn năm, **lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa**, nhà nước của nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, giải quyết thành công vấn đề cơ bản của một cuộc cách mạng xã hội là vấn đề chính quyền.  
→ Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền, vươn lên cùng các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- (2) **Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ bước lên địa vị người chủ đất nước**, có quyền quyết định vận mệnh của mình.
- (3) **Đảng Cộng sản Đông Dương** từ chỗ phải hoạt động bí mật **trở thành một đảng cầm quyền**. Từ đây, Đảng và nhân dân Việt Nam có chính quyền nhà nước cách mạng làm công cụ sắc bén phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.
- (4) Mở ra kỷ nguyên mới trong tiến trình lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

## 2. Đối với quốc tế

- (1) **Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc lần đầu tiên giành thắng lợi ở một nước thuộc địa**, đã đột phá một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, **mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ**.
- (2) Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- (3) Nó chứng tỏ rằng: **một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo hoàn toàn có khả năng thắng lợi ở một nước thuộc địa trước khi giai cấp công nhân ở "chính quốc" lên nắm chính quyền**.
- (4) Cách mạng Tháng Tám đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc.

## d. Kinh nghiệm

### 1. Thứ nhất, về chỉ đạo chiến lược

- Phải **giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc**, giải **quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất**.
- Trong cách mạng thuộc địa, phải đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, còn nhiệm vụ cách mạng ruộng đất cần tạm gác lại, rải ra thực hiện từng bước thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc.

### 2. Thứ hai, về xây dựng lực lượng:

- **Trên cơ sở khối liên minh công nông, cần khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp** nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi.
- Mặt trận Việt Minh là một điển hình thành công của Đảng về huy động lực lượng toàn dân tộc lên trận địa cách mạng, đưa cả dân tộc vùng dậy trong cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

### 3. Thứ ba, về phương pháp cách mạng

- **Nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng** của quần chúng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận ở những vùng nông thôn có điều kiện, tiến lên chớp đúng thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, giành chính quyền toàn quốc.

### 4. Thứ tư, về xây dựng Đảng:

- **Phải xây dựng một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và dân tộc**
- Vận dụng và phát triển lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đề ra đường lối chính trị đúng đắn, một đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, liên hệ chặt chẽ với quần chúng.
- Chú trọng vai trò lãnh đạo ở cấp chiến lược của Trung ương Đảng, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của đảng bộ các địa phương.

## CHƯƠNG 2. ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975)

### I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)

#### 1. Đảng lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)

##### a. Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945

###### a.1. Thuận lợi

###### 1. Quốc tế

- Sau chiến tranh thế giới thứ II, Liên Xô trở thành thành trì của CNXH. Nhiều nước được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn theo con đường CNXH. Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở các nước thuộc địa châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh.

###### 2. Trong nước

- Việt Nam trở thành quốc gia có chủ quyền; nhân dân ta được quyền tự do. Đảng cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền, lãnh đạo cách mạng cả nước. Hệ thống chính quyền cách mạng thống nhất từ Trung ương đến cơ sở.

###### a.2. Khó khăn

###### 1. Thế giới

- Phe đế quốc chủ nghĩa nuôi dưỡng âm mưu mới nhằm "chia lại hệ thống thuộc địa trên thế giới", ra sức tấn công, đàn áp phong trào CM.

###### 2. Trong nước

- (1) Về chính trị: hệ thống chính quyền còn rất non trẻ, thiếu thốn, yếu kém về nhiều mặt
- (2) Về kinh tế: hậu quả của chế độ cũ để lại hết sức nặng nề, sự tàn phá của nạn lũ lụt, nạn đói năm 1945 rất nghiêm trọng. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp quản một nền kinh tế xơ xác, tiêu điều, công nghiệp đình đốn, nông nghiệp bị kìm hãm, 50% ruộng đất bị bỏ hoang. Nền tài chính, ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng
- (3) Về văn hóa - xã hội: các hủ tục lạc hậu, thói hư, tật xấu, tệ nạn xã hội chưa được khắc phục, 95% dân số thất học, mù chữ
- (4) Về ngoại giao: Chưa có nước nào trên thế giới công nhận địa vị pháp lý Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa
- (5) Về quân sự: Lực lượng mỏng, chưa có nhiều kinh nghiệm...

###### - Trong khi đó:

- + Trong tháng 9/1945, theo sự thỏa thuận của phe Đồng Minh, **Quân đội Anh đã trực tiếp bảo trợ**, sử dụng quân đội Nhật giúp sức quân **Pháp** ngang nhiên nổ súng **đánh chiếm Sài Gòn** rạng sáng 23/9/1945, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ 2 của thực dân Pháp ở VN.
- + Cùng thời điểm đó, từ cuối tháng 8/1945, ở vĩ tuyến 16, **hơn 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch tràn qua biên giới kéo vào Việt Nam** dưới sự bảo trợ và ủng hộ của Mỹ với danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, kéo theo là lực lượng tay sai Việt Quốc, Việt Cách với âm mưu thâm độc "diệt Cộng, cầm Hồ", chống phá Việt Minh. Khoảng 6 vạn quân đội Nhật hoàng bại trận đang chờ giải giáp.

→ Chưa bao giờ cùng một lúc trên đất nước ta có nhiều kẻ thù và đội quân nước ngoài đông như vậy. Nền độc lập của Tổ quốc bị đe dọa nghiêm trọng; vận mệnh chính quyền cách mạng như "ngàn cân treo sợi tóc".

#### b. Đảng lãnh đạo xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng

##### b.1. Chủ trương của Đảng

- Ngày 03/9/1945, **Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên** dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh **xác định nhiệm vụ lớn trước mắt là: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm**.
- Ngày 25/11/1945 Ban chấp hành Trung ương Đảng ra **Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc"**. Nội dung của Chỉ thị:
  1. Xác định **kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược**, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng.
  2. **Mục tiêu cách mạng của Đông Dương lúc này vẫn là giải phóng dân tộc** và đề ra khẩu hiệu "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết".
  3. Xác định các biện pháp cụ thể cần thực hiện cấp bách trước mắt:
    - (1) Xúc tiến bầu cử Quốc hội
    - (2) Thành lập Chính phủ chính thức, lập ra Hiến pháp, động viên lực lượng toàn dân kháng chiến và chuẩn bị kháng chiến lâu dài
    - (3) Kiên định nguyên tắc độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế với phương châm cơ bản là "Thêm bạn, bớt thù", "Hoa-Việt thân thiện", "Nhân nhượng có nguyên tắc"... Đối với Pháp "độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế".

→ Bản Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" đã thể hiện tầm nhìn chiến lược, nhãn quan chính trị sâu sắc của Đảng. Chỉ thị thể hiện sự sáng tạo trong việc giải quyết chỉ đạo chiến lược và sách lược trong tình hình mới. Chỉ thị có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc, bảo vệ Nhà nước dân chủ nhân dân - thành quả cao nhất của Cách mạng tháng Tám 1945, tạo tiền đề đưa cách mạng Việt Nam tiến lên.

##### b.2. Đảng chỉ đạo xây dựng chế độ mới và củng cố chính quyền

###### 1. Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói

- Tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm
- Lập hũ gạo tiết kiệm và phát động các cuộc vận động lớn Quỹ độc lập, Quỹ đảm phụ quốc phòng, Quỹ Nam Bộ kháng chiến...
- Chính phủ bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý của chế độ cũ bị xóa bỏ, thực hiện chính sách giảm tô 25%
- Ngân quỹ quốc gia được xây dựng lại, phát hành đồng giấy bạc Việt Nam...

→ **Nhờ đó đầu năm 1946 nạn đói cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân ổn định, tinh thần dân tộc được phát huy cao độ.**

###### 2. Chống giặc dốt, xóa nạn mù chữ

- Đảng phát động phong trào "Bình dân học vụ", toàn dân học chữ quốc ngữ để từng bước xóa bỏ nạn dốt, vận động toàn dân xây dựng nếp sống mới, đời sống văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ.
- Các trường học từ cấp tiểu học trở lên lần lượt khai giảng năm học mới; thành lập Trường Đại học Văn khoa Hà Nội.

→ **Đến cuối năm 1946, cả nước đã có hơn 2,5 triệu người dân biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ. Đời sống tinh thần của một bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhân dân tin tưởng vào chế độ mới, nêu cao quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng.**

### 3. Xây dựng hệ thống chính trị

- (1) Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp: Ngày 06/01/1946, cả nước tham gia cuộc bầu cử Quốc hội
- (2) Chính phủ được thành lập trong phiên họp đầu tiên của Quốc hội khóa I (2/3/1946). Chính phủ chính thức, gồm 10 bộ và kiện toàn nhân sự bộ máy Chính phủ do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.
- (3) Các địa phương cũng tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và kiện toàn Ủy ban hành chính các cấp.
- (4) Ngày 09/11/1946 Quốc hội thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.
- (5) Ngày 24/01/1946 Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ban hành Sắc lệnh số 13 về tổ chức các Tòa án và các ngạch Thẩm phán.
- (6) Thành lập các tổ chức chính trị - xã hội: Mặt trận dân tộc thống nhất tiếp tục được tăng cường, Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập, thành lập Hội đồng cố vấn Chính phủ, thành lập thêm một số đoàn thể xã hội mới, tiếp tục củng cố các tổ chức đoàn thể của Mặt trận Việt Minh.

### 4. Phát triển lực lượng vũ trang

- Tích cực mua sắm vũ khí, tích trữ lương thực, thuốc men, củng cố các cơ sở và căn cứ địa cách mạng cả ở miền Bắc, miền Nam.
- **Cuối năm 1946, Việt Nam có hơn 8 vạn bộ đội chính quy, hơn 1 triệu bộ đội địa phương. Lực lượng công an được tổ chức đến cấp huyện, hàng vạn dân quân, tự vệ được tổ chức ở cơ sở từ Bắc chí Nam.**

## c. Đảng tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ và đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ

### 1. Đánh Pháp

- Sáng ngày 23/9/1945, Ủy ban kháng chiến và đại diện Tổng bộ Việt Minh đề ra chủ trương **hiệu triệu nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp** xâm lược.
- Chính phủ Hồ Chí Minh và **nhân dân miền Bắc** nhanh chóng hưởng ứng và **kịp thời chi viện**, chia lửa với đồng bào Nam Bộ kháng chiến.

### 2. Đánh Tưởng

- Để làm thất bại âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh” của quân Tưởng và tay sai, **Đảng ta chủ trương thực hiện chiến lược “triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc”**.
  - + Đảng chủ trương rút vào hoạt động bí mật
  - + Đồng ý cung cấp lương thực, thực phẩm cần thiết cho 20 vạn quân Tưởng
  - + Cho sử dụng tiền Quan kim, Quốc tệ song hành cùng đồng bạc Đông Dương
  - + Bổ sung thêm 70 ghế Quốc hội không qua bầu cử cho một số đảng viên của Việt cách, Việt quốc...

### 3. Pháp thay cho Tưởng rút quân

- Ngày 28/2/1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được kí kết, theo đó **Pháp đưa quân đội ra vĩ tuyến 16 làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật thay thế 20 vạn quân Tưởng rút về nước** hạn cuối cùng là ngày 31/3/1946. Đổi lại Pháp sẽ nhượng lại cho Tưởng nhiều quyền lợi quan trọng ở Trung Quốc và Việt Nam.
- **Ngày 6/3/1946, “Hiệp định sơ bộ” được ký kết giữa Việt Nam và Pháp**. Nội dung cơ bản của bản Hiệp định:
  - (1) Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, tài chính và quân đội riêng nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp
  - (2) Việt Nam đồng ý để 15.000 quân đội Pháp ra Bắc thay thế 20 vạn quân đội Tưởng rút về nước và sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm
  - (3) Hai bên sẽ tiếp tục tiến hành đàm phán chính thức để giải quyết mối quan hệ Việt - Pháp...
- Ngày 9/3/1946, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Hòa để tiến”
- Ngày 14/9/1946, Việt Nam và Pháp ký bản “Tạm ước” tại Mác-xây, Việt Nam đồng ý nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hóa ở Việt Nam, hai bên kí cam kết đình chỉ chiến sự ở Nam Bộ và tiếp tục đàm phán...

## 2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950

### a. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ

- Cuối tháng 10/1946, tình hình chiến sự ở Việt Nam ngày càng căng thẳng, nguy cơ cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Pháp tăng dần.
  - Cuối tháng 11/1946, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vũ trang đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn tiếp đó là đóng chiếm trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, tấn công vào vùng tự do ở Nam Trung Bộ, Nam Bộ.
  - Ngày 16 và 17/12/1946, quân đội Pháp ở Hà Nội ngang nhiên tấn công chiếm đóng trụ sở Bộ Tài Chính, Bộ Giao thông của ta, bắn đại bác gây ra vụ thảm sát đồng bào Hà Nội ở phố Yên Ninh, Hàng Bún.
  - **Ngày 18/12/1946, đại diện Pháp ngang nhiên đơn phương tuyên bố cắt đứt mọi liên hệ với Chính phủ Việt Nam**, đưa liên tiếp ba tối hậu thư đòi phía Việt Nam phải giải giáp, giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, đòi độc quyền thực thi nhiệm vụ kiểm soát, giữ gìn an ninh, trật tự của thành phố.
- Như vậy, **thiện chí hòa bình** của Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã **bị thực dân Pháp thẳng thừng cự tuyệt**.
- Vì vậy, Đảng và nhân dân **Việt Nam chỉ còn một sự lựa chọn duy nhất là cầm súng đứng lên chống lại thực dân Pháp**
- Vì vậy, tại Hà Nội, vào lúc **20 giờ 3 phút ngày 19/12/1946, ở pháo đài Láng, loạt đại bác đầu tiên đã bắn vào thành Hà Nội, báo hiệu cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu**.

### b. Đường lối kháng chiến của Đảng

- **Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng được hình thành, bổ sung, phát triển qua thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 đến 1947, được thể hiện trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng** như: Lời kêu gọi, bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh:
  - + **Chỉ thị kháng chiến kiến quốc** (25/11/1945); **Chỉ thị tình hình và chủ trương** (3/3/1946); **Chỉ thị “Hòa để tiến”** (9/3/1946); **Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”** (12/12/1946); **“Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”** của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946); Tác phẩm **“Kháng chiến nhất định thắng lợi”** của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh (8/1947).

- Nội dung cụ thể như sau:
  1. **Tính chất** của cuộc kháng chiến của nhân dân ta là chính nghĩa, chống lại chiến tranh xâm lược phi nghĩa của thực dân Pháp.
  2. **Mục tiêu** của cuộc kháng chiến là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn. Đây là hình thức tiếp tục sự nghiệp cách mạng của dân tộc, dân chủ nhân dân vì nền tự do dân chủ, góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.
  3. **Phương châm cơ bản** của đường lối kháng chiến là:
    - (1) Kháng chiến toàn dân là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân, động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một mặt trận.
    - (2) Kháng chiến toàn diện là đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao trong đó mặt trận quân sự giữ vai trò quyết định.
    - (3) Kháng chiến lâu dài là quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng của ta, lấy thời gian là lực lượng chuyển hóa yếu thành mạnh.
    - (4) Kháng chiến dựa vào sức mình là chính phải lấy nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần vốn có của nhân dân làm chỗ dựa chủ yếu của cuộc chiến tranh nhân dân.

→ **Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến** và **đường lối kháng chiến** của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn dân ta tiến tới giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

### c. Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950

- Cuối năm 1947, tổng số Đảng viên toàn Đảng tăng lên đến 70.000 người. Bộ đội chính quy phát triển lên hơn 12 vạn quân, lực lượng dân quân tự vệ phát triển lên đến 1 triệu người. Đảng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp.
- Về quân sự: **Thu Đông năm 1947, Pháp đã huy động khoảng 15.000 quân** (lục quân, hải quân, không quân) thành 3 mũi **tiến công chính lên vùng ATK Việt Bắc** (viết tắt của an toàn khu, là khu vực mà Quân đội nhân dân Việt Nam giành được quyền kiểm soát gần như tuyệt đối trong thời gian chiến tranh chống Pháp)
  - Ngày 15/10/1947, **Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị “phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”**.
    - + Chỉ thị nêu rõ quyết tâm của quân và dân ta
    - + Vạch ra thế yếu của địch và đề ra các nhiệm vụ quân sự cho các chiến trường, trong đó chỉ rõ phải ra sức phát động mạnh mẽ cuộc chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ
    - + Chặt đứt giao thông, bao vây không cho địch tiếp tế, liên lạc tiếp ứng cho nhau
    - + Tổ chức chiến tranh nhân dân đồng loạt đánh địch trên tất cả các hướng tiến công của địch cả trên mặt trận đường bộ và đường sông.
  - Sau 75 ngày đêm chiến đấu liên tục (từ ngày 7/10 đến 21/12/1947) quân và dân ta lần lượt bẻ gãy các mũi tiến công nguy hiểm của giặc Pháp.
- Ngày **01/10/1949, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) ra đời, làm thay đổi cán cân so sánh** lực lượng giữa hai phe **dân chủ và tư bản chủ nghĩa**, tạo ra lợi thế cho phong trào cách mạng thế giới. Nước Pháp khủng hoảng kéo dài, cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương bế tắc, phải đối mặt với nhiều khó khăn, mâu thuẫn nảy sinh, thế chiến lược của Pháp ở Đông Dương bị đảo lộn..
  - + **Đảng tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân**, toàn diện nhằm làm thất bại một bước âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh và kế hoạch “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt của thực dân Pháp”.
  - + Trên mặt trận ngoại giao, **Đảng và Chính phủ chủ trương tích cực tranh thủ mở rộng quân hệ ngoại giao với các nước trong phe XHCN**. Đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trung Quốc và Liên Xô, sau đó Trung Quốc, Liên Xô, các nước Đông Âu, Triều Tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.
- **Tháng 11/1949, chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành kí Sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự**. Trong quân đội có cuộc vận động “luyện quân lập công”, phong trào thi đua “rèn cán, chỉnh quân”. → Đầu năm 1950, lực lượng cơ động của ta hơn hẳn địch, viện trợ quân sự của Trung Quốc cũng góp một phần tăng cường, cải thiện trang bị cho bộ đội.
- **Từ cuối năm 1950, Đảng quyết định tạm ngừng phát triển Đảng để củng cố vì phát hiện ở nhiều nơi việc phát triển Đảng mắc sai lầm về tiêu chuẩn Đảng viên**.
- **Trong vùng địch tạm chiến, Đảng chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh phát triển chiến tranh du kích** để biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta. Tại nhiều địa phương quân và dân đã đánh phối hợp, phục kích có những chiến thắng giòn giã như trận La Ngà, Nghĩa Lộ (3/1948), Tầm Vu, Đông Dương (4/1948).
- Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương để tìm kiếm cơ hội thay thế Pháp. Tại Nam Bộ địch thực hiện chiến thuật “mạng nhện” xây dựng hệ thống tháp canh dày đặc và gây nhiều khó khăn cho ta.
- Từ giữa năm 1949, tướng Rove (Pháp) đề ra kế hoạch mở rộng chiếm đóng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, phong tỏa khóa chặt biên giới Việt Trung. **Tháng 6/1950, ta mở chiến dịch quân sự lớn tiến công địch dọc tuyến biên giới Việt - Trung** thuộc 2 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn (Chiến dịch Viên giời Thu đông 1950) nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo hành lang mở rộng quan hệ thông thương với Trung Quốc và các nước XHCN.

### 3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi từ năm 1951 đến 1954

#### a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951) và Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam

##### a.1. Hoàn cảnh lịch sử

1. **Thế giới**
  - Liên Xô lớn mạnh về mọi mặt, các nước XHCN ở Châu Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho hòa bình và phong trào cách mạng.
  - Mỹ trở thành đế quốc siêu cường trên quốc tế, tăng cường giúp Pháp can thiệp trực tiếp vào Đông Dương
  - Cách mạng ở Lào và Campuchia cũng có những bước chuyển tích cực

## 2. Trong nước

- Cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã giành những thắng lợi quan trọng
- Từ ngày 11-19/2/1951, Đảng triệu tập **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II** tại thôn Chinh, xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết. Đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.
- Đại hội thông qua nhiều văn kiện quan trọng, trong đó có báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam*, đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên CNXH. Nội dung của bản Báo cáo được phản ánh trong "*Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam*".

### a.2. Nội dung cơ bản của Đại hội

- Do nhu cầu kháng chiến giai cấp công nhân và nhân dân mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia cần có một Đảng riêng, Đảng ta ra hoạt động công khai lấy tên Đảng là "Đảng Lao động Việt Nam".
  - "**Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam**" được Đại hội thông qua gồm các nội dung sau:
    - (1) *Tính chất xã hội Việt Nam*: tính chất dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến. Cuộc kháng chiến để giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân với các thế lực phản động chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược.
    - (2) *Đối tượng chính* là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.
    - (3) *Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam*: đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng.
    - (4) *Động lực của cách mạng Việt Nam* lúc này là: công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phần tử đó hợp thành nhân dân. Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí thức. Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân.
    - (5) *Triển vọng phát triển của cách mạng Việt Nam* nhất định sẽ tiến lên CNXH đây là quá trình lâu dài.
  - Điều lệ mới của Đảng được Đại hội thông qua có 13 chương và 71 điều.
- **Ý nghĩa của Đại hội**: Đại hội đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng, là "*Đại hội kháng chiến thắng lợi*". Tuy nhiên, Đại hội còn hạn chế về nhận thức là mắc vào tư tưởng "tả" khuynh, giáo điều, rập khuôn máy móc.

## b. Đẩy mạnh phát triển kháng chiến về mọi mặt

### 1. Về đấu tranh quân sự

- Từ đầu năm 1951, Đảng chủ trương mở các chiến dịch tiến công quân sự quy mô tương đối lớn đánh vào các vùng chiếm đóng của địch ở địa bàn trung du và đồng bằng Bắc Bộ.
- Tháng 12/1951, ta mở chiến dịch Hòa Bình và chiến dịch Tây Bắc (từ 14/10 đến 10/12 năm 1952) nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá âm mưu lập "Xứ Thái tự trị" của thực dân Pháp. Phát huy chiến thắng quân sự trong cả nước Đảng quyết định phối hợp với cách mạng Lào mở chiến dịch Thượng Lào giúp Chính phủ kháng chiến Lào giải phóng thêm đất đai và mở rộng căn cứ địa.

### 2. Trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội

- Tháng 4/1952, **Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ ba** của Đảng đề ra những quyết sách lớn về công tác "chỉnh Đảng, chỉnh quân". Cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chấn chỉnh lại chế độ thuế khóa, tài chính.
- Từ đầu năm 1953, Đảng chủ trương đẩy mạnh cải cách dân chủ, phát động phong trào giảm tô, giảm tức tiến tới cải cách ruộng đất.
- Ngày 4/12/1953, tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa I đã thông qua Luật cải cách ruộng đất và ngày 19/12/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành sắc lệnh "Luật cải cách ruộng đất". Hàng nghìn hecta ruộng đất và các loại nông cụ, trâu bò, tư liệu sản xuất nông nghiệp đã được chia cho nông dân nghèo, nhất là bần cố nông.

## c. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao, cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi

### 1. Đấu tranh quân sự: Đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ

#### (1) Âm mưu của Pháp

- + Tháng 5/1953, Pháp cử tướng Hăngri Nava đảm nhiệm chức vụ Tổng tham mưu trưởng lục quân khối NATO sang làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương.
- + Tháng 7/1953, Nava đã vạch ra kế hoạch chính trị - quân sự mới lấy tên "Kế hoạch Nava" - dự kiến thực hiện trong 18 tháng nhằm chuyển bại thành thắng.
- + Trung tâm của kế hoạch chính là Điện Biên Phủ - một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, một "pháo đài khổng lồ không thể công phá" được giới quân sự, chính trị Pháp - Mỹ đánh giá là "một cổ máy để nghiền Việt Minh".

#### (2) Chủ trương của Đảng

- + Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953/1954.
- + Ngày 06/12/1953, Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ và giao Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Tổng chỉ huy.
- + Nhằm phát huy sức mạnh của hậu phương, chi viện cho tiền tuyến, Đảng phát động phong trào quần chúng đấu tranh triệt để giảm tô, giảm tức và tiến hành cải cách ruộng đất.

#### (3) Diễn biến

- + Với phương châm "đánh chắc, tiến chắc", "đánh chắc thắng", ngày 13/3/1954 quân ta nổ súng tấn công địch ở phân khu Bắc trung tâm Mường Thanh mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ.
- + Chiến dịch trải qua 56 ngày đêm với 3 đợt tiến công lớn: Đợt 1: Từ ngày 13 đến ngày 17/3/1954, Đợt 2: Từ ngày 30/3 đến ngày 30/4/1954, Đợt 3: Từ ngày 01/5 đến ngày 07/5/1954.

#### (4) Kết quả

- + Thắng lợi vẻ vang
- + Cùng với thắng lợi quân sự to lớn, vang dội ở Điện Biên Phủ, trên toàn chiến trường Đông Dương quân và dân ta cũng giành nhiều thắng lợi to lớn trên các mặt trận kinh tế, chính trị, quân sự ở cả vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.



## 2. Đấu tranh ngoại giao: Hiệp định Giơnevơ

- Trước sự thất bại thảm hại ở Điện Biên Phủ, Chính phủ Pháp không còn sự lựa chọn nào khác, buộc phải đàm phán với Việt Nam tại Hội nghị Giơnevơ (Thụy Sĩ) bàn về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương.
- Ngày 08/5/1954 đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị với tư thế của một dân tộc chiến thắng. Tham dự Hội nghị có các nước: Việt Nam, Lào, Campuchia, Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ, Anh, Pháp.
- Trong 75 ngày đàm phán căng thẳng gay go, phức tạp trải qua 8 phiên họp toàn thể và 23 phiên họp cấp trưởng đoàn. **Cuối cùng Việt Nam đồng ý chấp nhận ký kết với Pháp bản Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam vào ngày 21/7/1954.**
- Trong quá trình diễn ra Hội nghị, Mỹ thúc đẩy quyết tâm quá trình thay thế Pháp ở Việt Nam và Đông Dương.
- **Bản tuyên bố nêu rõ:**
  - + Pháp và các nước tham dự cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, cam kết chấm dứt cuộc chiến tranh và lập lại hòa bình trên bán đảo Đông Dương.
  - + Vĩ tuyến 17 là biên giới tạm thời, Pháp ở phía Nam Việt Nam đến tháng 7/1956, sau đó rút khỏi Việt Nam để 2 miền Hiệp thương thống nhất đất nước.

## 4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ

### a. Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã bảo vệ và phát triển tốt các thành quả của cuộc cách mạng tháng Tám, củng cố phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...
- Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tạo tiền đề về chính trị - xã hội quan trọng để Đảng quyết định đưa miền Bắc quá độ lên CNXH, xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.
- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam có tính lan tỏa rộng lớn trong khu vực và mang tầm vóc thời đại sâu sắc. Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, một nước thuộc địa bé nhỏ đã đánh thắng một cường quốc thực dân nên có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ ở các nước châu Á, Phi, Mỹ Latinh.

### b. Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến

1. *Một là*, Đảng đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ những ngày đầu. Đường lối cơ bản là “Kháng chiến và kiến quốc”; kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh là chính.
2. *Hai là*, kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến. Kháng chiến toàn diện trên các mặt trận, các lĩnh vực cả kinh tế, văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời ưu tiên đẩy mạnh hoạt động quân sự đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi quyết định.
3. *Ba là*, ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng chiến phù hợp với đặc thù của từng giai đoạn.
4. *Bốn là*, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích một cách thích hợp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chính trị - quân sự của cuộc kháng chiến.
5. *Năm là*, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc kháng chiến trên tất cả mọi lĩnh vực, mặt trận.

## II. Đảng lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

### 1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam - Bắc (1954- 1965)

- Sau ngày Hiệp định Giơnevơ (7/1954) được ký kết, cách mạng Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn mới.

#### 1. Trên trường quốc tế

##### (1) Thuận lợi

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nhất là sự lớn mạnh của Liên Xô.
- Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển.
- Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản.

##### (2) Bất lợi

- Đế quốc Mỹ hùng mạnh có âm mưu làm bá chủ thế giới
- Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.

#### 2. Ở trong nước

##### (1) Thuận lợi

- Miền Bắc được giải phóng, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước.
- Thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn trước, ý chí đấu tranh và bảo vệ nền độc lập thống nhất của nhân dân cả nước ngày càng cao.

##### (2) Khó khăn

- Đất nước tạm thời chia cắt thành hai miền với chế độ chính trị khác nhau.
  - + Ở Miền Bắc: Kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, đời sống nhân dân khó khăn, hậu quả chiến tranh nặng nề.
  - + Ở miền Nam, đế quốc Mỹ nhảy vào xâm chiếm, từng bước thực hiện âm mưu độc chiếm, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, lâu dài hòng tiêu diệt CNXH ở miền Bắc.

→ Trong bối cảnh đó, Đảng ta từng bước lãnh đạo xây dựng CNXH và đánh bại các âm mưu, thủ đoạn của Đế quốc Mỹ qua từng giai đoạn lịch sử



## a. Khôi phục kinh tế, cải tạo XHCN ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954-1960)

### a.1. Miền Bắc: Khôi phục kinh tế, cải tạo XHCN

#### ★ Đảng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ trước mắt

##### 1. Chủ trương

- **Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9/1954** xác định phải hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định đời sống nhân dân.
- **Hội nghị lần thứ bảy (tháng 3/1955)** và **lần thứ tám (tháng 8/1955)** Ban chấp hành Trung ương Đảng xác định nhiệm vụ: **Đấu tranh buộc thực dân Pháp phải thực hiện Hiệp định Giơnevơ, rút quân khỏi miền Bắc, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.**

##### 2. Quá trình thực hiện

- (1) Với chủ trương và sự chỉ đạo kiên quyết, khéo léo của Đảng, sự ủng hộ của nhân dân, **thực dân Pháp đã phải rút quân khỏi miền Bắc theo đúng Hiệp định.** Cuối cùng, ngày 10/10/1954, quân dân Việt Nam đã tiếp quản Thủ đô Hà Nội; ngày 30/10/1954, tiếp quản Thị xã Hải Dương; ngày 13/5/1954, tiếp quản thành phố Hải Phòng; ngày 16/5/1955  
→ Toàn bộ quân viễn chinh Pháp và tay sai rời đảo Cát Bà, **miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.**
- (2) Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải cũng hoàn thành.
- (3) Công tác giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất được tiếp tục đẩy mạnh.  
→ Đến tháng 7/1956, cuộc cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành, chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến ở miền Bắc đến đây bị xóa bỏ. Hơn 9 triệu người trong hơn 2 triệu hộ nông dân lao động được chia hơn 810.000 ha ruộng đất.

#### ★ Đảng chỉ đạo đẩy mạnh cải tạo XHCN

##### 1. Chủ trương

- (1) Về đánh giá quá trình thực hiện khôi phục kinh tế
  - + **Hội nghị lần thứ 10 (mở rộng) Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 9/1956)** về việc thi hành kỷ luật đối với một số đồng chí Trung ương phạm sai lầm trong công tác cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức.
  - + **Hội nghị lần thứ 13 Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 12/1957)** đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế.
- (2) Về xác định kế hoạch nhiệm vụ cải tạo XHCN
  - + **Hội nghị lần thứ 14 Ban chấp hành Trung ương Đảng (11/1958)** đã thông qua kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo XHCN đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960).
  - + **Tháng 4/1959, Hội nghị lần thứ 16 Ban chấp hành Trung ương Đảng** thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp xác định hình thức và bước đi: Hợp tác hóa đi trước cơ giới hóa. Ba nguyên tắc cần giải quyết trong xây dựng hợp tác xã là tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Nghị quyết cũng nêu vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

##### 2. Kết quả:

- **Kết quả của ba năm phát triển kinh tế - văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa** (1958-1960) đã tạo nên những chuyển biến tích cực trong nền kinh tế và xã hội ở miền Bắc nước ta.
- **Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương ổn định, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.**

### a.2. Miền Nam

#### 1. Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ - Diệm

- Biến miền Nam Việt Nam trở thành thuộc địa mới
- Xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc và hệ thống XHCN, chia cắt lâu dài Việt Nam
- Biến miền Nam mất xích quan trọng trong hệ thống căn cứ quân sự ở Đông Nam Á nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của CNXH xuống vùng này.

#### 2. Chủ trương của Đảng

- (1) Tháng 9/1954, **Nghị quyết Bộ chính trị nêu rõ 3 nhiệm vụ** cụ thể, trước mắt của cách mạng miền Nam là:
  - + Đấu tranh đòi Mỹ thi hành hiệp định Giơnevơ;
  - + Chuyển hướng công tác cho phù hợp với điều kiện mới;
  - + Tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ, thống nhất Tổ quốc.
- (2) Tháng 8/1956, đồng chí Lê Duẩn đã soạn thảo bản "**Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở Miền Nam**", nêu rõ: chế độ thống trị ở miền Nam là độc tài, phát xít, hiếu chiến. **Nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình là con đường cách mạng.**
- (3) Tháng 3/1959, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố "đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh". Với Luật Phát xít 10/59 đưa máy chém lê khắp miền Nam. Điều đó làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và tay sai với nhân dân miền Nam càng thêm gay gắt.
- (4) **Tháng 01/1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành Trung ương Đảng**
  - Đảng chỉ ra mâu thuẫn và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Điểm đặc biệt là Hội nghị 15 là:
    - + Xác định phương pháp cách mạng và phương thức đấu tranh là **dùng bạo lực cách mạng.**
    - + Hội nghị xác định từ đấu tranh chính trị tiến lên **kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang**
    - + Dự kiến xu hướng **phát triển từ khởi nghĩa của nhân dân** có thể **tiến lên cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ.**
  - Hội nghị lần thứ 15 là một mốc lịch sử vô cùng quan trọng. Nghị quyết đã đề ra một cách toàn diện đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.
- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 15 của Đảng
  - + Đường vận tải trên bộ mang tên đường 559, trên biển mang tên đường 759 được thành lập và đi vào hoạt động góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

- + Đứng trước tình hình đó, đêm 2 tháng 1 năm 1960, ban lãnh đạo tỉnh Bến Tre họp tại xã Tân Trung, quyết định: "phát động một tuần lễ toàn dân đồng khởi, diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp, giải phóng nông thôn, làm chủ ruộng vườn".
- + Phong trào Đồng Khởi đã lan rộng ra khắp miền Nam, làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nhiều vùng nông thôn.  
→ **Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công**, từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ.
- + Ngày 20/12/1960, tại xã Tân Lập (Tây Ninh), **Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập**.

**b. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam (1961-1965) - Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960)**

**1. Bối cảnh lịch sử**

- Miền Bắc đã giải phóng, hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ
- Miền Nam Mỹ - Diệm đang từng bước thực hiện âm mưu xâm lược.
- **Từ ngày 5 - 10/9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III** của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Trong diễn văn khai mạc Đại hội, Hồ Chí Minh nêu rõ: "Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà". Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

**2. Đường lối chung của cách mạng cả nước**

**(1) Nhiệm vụ cách mạng hai miền**

- + Một là, đẩy mạnh cách mạng XHCN ở miền Bắc.
- + Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà.

**(2) Về mục tiêu chiến lược chung:** Đại hội cho rằng, cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào **mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước**.

**(3) Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền**

- + Miền Bắc: có vai trò **quyết định nhất**. CM CNXH ở Miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau.
- + Miền Nam: có vai trò **trực tiếp**. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam - giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

**(4) Về nguyên tắc chiến lược**

- + Đại hội chủ trương kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà
- + Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

**(5) Về triển vọng của cách mạng:** Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam - Bắc nhất định sum họp một nhà.

**3. Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc**

**(1) Đặc điểm của Miền Bắc: từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên CNXH không trải qua giai đoạn phát triển TBCN**

**(2) Nội dung cách mạng XHCN ở miền Bắc: là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt** đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

**(3) Phương pháp tiến hành:** sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo XHCN đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh; phát triển thành phần KT quốc doanh;

**(4) Nội dung Công nghiệp hóa: là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta.** Mục tiêu là biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

- + Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ
- + Đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật.

→ **Đặt trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, đường lối chung của Đảng thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề chưa có trong tiền lệ lịch sử, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế của thời đại.**

→ **Tuy nhiên, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có hạn chế là nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn giản đơn, chưa có dự kiến về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu và bước đi còn quá cao, không phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam.**

**4. Quá trình thực hiện đường lối của Đại hội III: Xây dựng CNXH ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam (1961-1965)**

**(1) Ở miền Bắc**

- Triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965), nhiều cuộc vận động và phong trào thi đua được triển khai sôi nổi ở các ngành, các giới và các địa phương.
- Kế hoạch Năm năm lần thứ nhất (1961-1965) mới thực hiện được hơn bốn năm (tính đến 5/8/1964) thì phải chuyển hướng do phải đối phó với chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, song những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch đã cơ bản hoàn thành.
- Miền Bắc XHCN đã không ngừng tăng cường chi viện cho CM miền Nam, thực hiện khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới. Miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho CM cả nước với chế độ chính trị ưu việt với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh.

**(2) Ở miền Nam: Đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ**

★ **Thủ đoạn của Đế quốc Mỹ**

- Từ năm 1961, do thất bại trong "Chiến tranh đơn phương", Mỹ đã chuyển sang thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" với công thức: cố vấn, vũ khí Mỹ và quân chủ lực Việt Nam cộng hòa.
- Thực hiện kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, dự định lập 17.000 ấp chiến lược là "quốc sách". Chiến lược quân sự được chúng sử dụng là "trực thăng vận và thiết xa vận".

★ *Chỉ đạo của Đảng*

- Tháng 1/1961 và tháng 2/1962, các *Hội nghị của Bộ Chính trị* đã phân tích, đánh giá tình hình giữa ta và địch ở miền Nam kể từ sau ngày Đồng khởi. Từ đó Bộ Chính trị đã ra chỉ thị về **"Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam"**. Nội dung chủ yếu là:
  - + Giữ vững thế chiến lược tiến công của cách mạng miền Nam.
  - + Đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược: đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn miền núi, bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận.
- **Trên thực tế, đây là quyết định chuyển cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng.**
- Để tăng cường sự lãnh đạo của Trung ương Đảng đối với cách mạng miền Nam, **tháng 10/1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập** do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư. **Ngày 15/2/1961**, các lực lượng vũ trang ở miền Nam được thống nhất với tên gọi **Quân giải phóng miền Nam Việt Nam**.
- Tháng 3/1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập *Hội nghị chính trị đặc biệt*, biểu thị khối đại đoàn kết và quyết tâm chiến đấu bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của toàn thể nhân dân.
- Các phong trào đấu tranh về ở mọi phương diện được triển khai rộng khắp miền Nam:
  1. Về quân sự: mở đầu là chiến thắng Ấp Bắc (Mỹ Tho) sau đó quân và dân miền Nam đã mở và giành nhiều thắng lợi ở nhiều chiến dịch với hàng trăm trận đánh lớn nhỏ trên khắp các chiến trường.
  2. Về phá ấp chiến lược: Tính từ năm 1961 đến năm 1963, chúng ta đã phá hoàn toàn 2.895/6.161 ấp chiến lược của địch, giành quyền làm chủ 12.000/17.000 thôn, giải phóng 5/14 triệu dân.
  3. Phong trào đấu tranh quân sự và phong trào phá "ấp chiến lược" phát triển đã thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị lên cao, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp.
- Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, nội bộ kẻ thù ngày càng khủng hoảng trầm trọng. Ngày 01/11/1963, dưới sự chỉ đạo của **Mỹ lực lượng quân đảo chính đã giết chết Tổng thống Ngô Đình Diệm và Cố vấn Ngô Đình Nhu** hòng thay thế lực lượng tay sai theo kế hoạch của Mỹ. Tính từ tháng 11/1963 đến tháng 6/1965 đã diễn ra 10 cuộc đảo chính quân sự nhằm lật đổ lẫn nhau trong nội bộ chính quyền Sài Gòn.
- **Các chiến dịch quân sự và phong trào đấu tranh chính trị dồn dập, có hiệu quả của quân và dân miền Nam đã làm cho ba trụ cột trong kế hoạch của Mỹ là chính quyền Sài Gòn, hệ thống "ấp chiến lược" và các đô thị bị lung lay tận gốc. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức cao nhất đã hoàn toàn bị phá sản.**

## 2. Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975

### a. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng CNXH ở miền Bắc giai đoạn 1965-1968

#### 1. Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ

- Sau khi thất bại ở "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ" bằng cách đưa quân Mỹ và các nước Đồng minh của Mỹ vào trực tiếp tham chiến.
- Đồng thời, đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam nhằm làm suy yếu miền Bắc và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam.

#### 2. Chủ trương của Đảng

- Trước âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã tổ chức nhiều Hội nghị, đặc biệt **Hội nghị lần thứ 11 (3/1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12/1965)** của Đảng đã **quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi cả nước và đề ra đường lối cho cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới**. Nội dung cụ thể như sau:
  - (1) **Quyết tâm chiến lược**: Đảng khẳng định chúng ta có đủ điều kiện, sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ, quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.
  - (2) **Mục tiêu chiến lược của cuộc kháng chiến**: kiên quyết đánh bại đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất nước nhà.
  - (3) **Phương châm kháng chiến**: đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh.
  - (4) **Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Nam**: giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. Tiếp tục kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị. Đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.
  - (5) **Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền**, Đảng xác định:
    - + Miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. → Cách mạng hai miền có quan hệ khăng khít, hỗ trợ nhau cùng thực hiện mục tiêu chung.
  - (6) **Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc** là
    - + Kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại
    - + Tăng cường lực lượng quốc phòng cho kịp với sự phát triển tình hình cả nước có chiến tranh
    - + Ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất để đánh bại địch ở chiến trường chính miền Nam

### 3. Quá trình xây dựng hậu phương chống chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ ở miền Bắc; đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Đế quốc Mỹ ở miền Nam (1965-1968)

#### ★ Ở miền Bắc

- (1) **Hoàn cảnh**: Từ ngày 5/8/1964, **Mỹ dựng sự kiện "Vịnh Bắc Bộ" nhằm lấy cớ dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc** với ý đồ đưa miền Bắc trở về thời kì đồ đá, phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, đè bẹp ý chí quyết tâm chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam.
- Trong tình hình đó, **miền Bắc nhanh chóng chuyển sang hoạt động trong hoàn cảnh có chiến tranh theo tư tưởng chỉ đạo của Đảng.**

(2) *Thực hiện chủ trương của Đảng và theo Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh*, quân và dân miền Bắc đã dấy lên cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, với niềm tin tưởng và quyết tâm cao độ với một loạt các phong trào đã được phát

(3) *Kết quả sau 4 năm xây dựng CNXH ở miền Bắc là:*

- + Nông nghiệp: Cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường so với trước chiến tranh; có 4.655 hợp tác xã được trang bị cơ khí nhỏ. Phong trào thâm canh tăng vụ được đẩy mạnh ở nhiều địa phương. Nhu cầu thiết yếu về lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội vẫn bảo đảm.
- + Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp vẫn được duy trì.
- + Văn hóa, giáo dục, y tế, đào tạo cán bộ chẳng những không ngừng trệ mà còn phát triển mạnh mẽ trong thời chiến và đạt nhiều kết quả tốt.
- + Nhiệm vụ chi viện tiền tuyến được hoàn thành xuất sắc. Hàng vạn cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc hành quân vào Nam nhanh chóng tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.
- + Trong chiến đấu, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 3.200 máy bay, bắn cháy 140 tàu chiến của địch. Miền Bắc đã đánh bại cuộc bắn phá lần thứ nhất của Đế quốc Mỹ làm cho đế quốc Mỹ bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc. **Ngày 1/11/1968, Mỹ buộc phải chấm dứt không điều kiện đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân.**

★ Ở miền Nam: **Mỹ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" có quy mô lớn nhất, mạnh nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ II.**

(1) *Hoàn cảnh:* Đầu mùa khô 1965-1966, Mỹ mở cuộc phản công vào 3 hướng chính: Tây Nguyên, đồng bằng khu V và miền Đông Nam Bộ. Mùa khô 1966-1967, Mỹ mở cuộc tiến công lần thứ 2 nhằm hướng vào Tây Nguyên và Sài Gòn.

→ **Thế nhưng, tất cả các cuộc hành quân quy mô lớn của địch đều bị bẻ gãy và bị tổn thất nặng nề.**

(2) *Hành động của Đảng*

- Tháng 12/1967, Bộ Chính trị đã ra một nghị quyết lịch sử, **chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang** thời kỳ mới, **thời kỳ tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích-tổng khởi nghĩa vào tất cả các đô thị, dinh lũy của Mỹ-ngụy trên toàn miền Nam.**
- Nghị quyết của Bộ Chính trị đã được **Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp 1/1968** thông qua.

(3) *Thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng*

- Đêm 30 rạng ngày 31/1/1968, đúng vào dịp giao thừa Tết Mậu Thân, quân ta đồng loạt tiến công và nổi dậy và giành thắng lợi sau 3 đợt tiến công.
- **Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ bị phá sản, buộc phải chấp nhận đàm phán với Việt Nam tại Hội nghị Pari từ ngày 13-5-1968.**

## **b. Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc giai đoạn 1969-1975**

- Ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, hưởng thọ 79 tuổi. Vĩnh biệt chúng ta, Người đã để lại một bản Di chúc lịch sử - là những lời căn dặn cuối cùng, những tình cảm và niềm tin của Người đối với thế hệ hiện tại và các thế hệ mai sau.

### **b.1. Miền Bắc**

- **Miền Bắc đã khẩn trương khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng CNXH.** Những kết quả đạt được đã làm cho tiềm lực mọi mặt của miền Bắc được tăng cường, cải thiện đời sống nhân dân, hồi sinh một bước cuộc sống bình thường, cho phép miền Bắc chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến ngày càng cao, góp phần quyết định tạo nên chiến thắng to lớn trên chiến trường miền Nam.
- Tháng 4/1972, đế quốc Mỹ cho máy bay, tàu chiến tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2 hết sức ác liệt, nhất là cuộc rải bom bằng pháo đài B52 trong 12 ngày đêm. → Trong 9 tháng chống chiến tranh phá hoại lần 2 của đế quốc Mỹ thì trận 12 ngày đêm, quân và dân miền Bắc đã lập nên **thắng lợi "Điện Biên Phủ trên không" đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ.**
- Ngày 15/1/1973, chính phủ Mỹ phải tuyên bố ngừng mọi hoạt động phá hoại miền Bắc và trở lại bàn đàm phán và kí với chúng ta ở Pari. Sau ngày Hiệp định Pari được ký kết, miền Bắc được hòa bình, Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch hai năm (1974-1975) khôi phục và ↑ kinh tế.
- Đến năm 1975, hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường, đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện.
- **Miền Bắc còn hoàn thành nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam** và hoàn thành nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Campuchia. Tính tổng thể, hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã bảo đảm 80% bộ đội chủ lực, 70% vũ khí và lương thực, 65% thực phẩm cho chiến trường miền Nam, nhất là ở giai đoạn cuối.

### **b.2. Miền Nam**

#### **b.2.1. Giai đoạn 1969-1972**

##### **1. Âm mưu của đế quốc Mỹ**

- Từ đầu 1969, Tổng thống Mỹ Níchxơn đề ra chiến lược toàn cầu mới mang tên "Việt Nam hóa chiến tranh". Các biện pháp đưa ra:
  - + Ra sức củng cố chính quyền, xây dựng ngụy quân đông và hiện đại
  - + Ráo riết thực hiện chương trình bình định, tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc
  - + Tìm cách thỏa hiệp với Trung Quốc
  - + Hòa hoãn với Liên Xô hòng cắt giảm nguồn viện trợ chủ yếu cho Việt Nam.

##### **2. Chủ trương của Đảng**

- **Hội nghị lần thứ 18 Ban chấp hành Trung ương Đảng (1/1970)** đề ra: Lấy nông thôn làm hướng tiến công chính, tập trung ngăn chặn đẩy lùi chương trình "bình định" của địch.
  - + Trong 2 năm 1970-1971, cách mạng miền Nam từng bước vượt qua khó khăn nhằm làm thất bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh, Đồng Dương hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ.
- Đầu 1970, Mỹ lại lần chiếm khu vực ở Lào và đảo chính ở Campuchia
  - + Năm 1971, quân dân miền Nam phối hợp với quân dân Lào đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn "Lam Sơn 719" của Mỹ - Ngụy.
  - + Cùng thời gian đó, quân và dân ta phối hợp với quân dân Campuchia đập tan cuộc hành quân "Toàn thắng 1-1971".
- Xuân hè 1972, quân ta mở cuộc tiến công từ hướng chủ yếu là Trị - Thiên, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, khu V, đồng bằng sông Cửu Long.

### 3. Kết quả

- Thắng lợi của nhân dân miền Nam trong đánh phá kế hoạch “bình định” của địch đã mở ra khả năng thực tế đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ. Quân nguy Sài Gòn - “xương sống” của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đã bị suy yếu nghiêm trọng.
- Trước sự thất bại của Mỹ trên cả hai miền đất nước Việt Nam, cuộc đấu tranh ngoại giao trên bàn Hội nghị Pari đã kéo dài gần 4 năm 9 tháng với 202 phiên họp công khai, 45 cuộc gặp riêng cấp cao, 500 cuộc họp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn đã kết thúc vào ngày **27/1/1973 với việc ký kết “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”**.
- Đế quốc Mỹ chấp nhận rút khỏi Việt Nam nhưng vẫn âm mưu tiếp tục tiến hành chiến tranh để áp đặt chủ nghĩa thực dân mới và chia cắt lâu dài Việt Nam.

#### b.2.2. Giai đoạn 1973-1975

##### 1. Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ

- Với bản chất ngoan cố Mỹ - Ngụy đề ra trong kế hoạch 3 năm (1973-1976) là chiếm lại toàn bộ vùng giải phóng của ta, xóa bỏ hình thái “đa báo” ở miền Nam, nhằm biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt, lệ thuộc vào Mỹ.

##### 2. Đảng chỉ đạo từng bước đánh bại âm mưu, thủ đoạn của Mỹ

- **Tháng 7/1973, Hội nghị lần thứ 21 của Ban chấp hành Trung ương khóa III** của Đảng đã **nêu rõ con đường cách mạng của nhân dân miền Nam là con đường bạo lực cách mạng**.
- Từ cuối năm 1973 và cả năm 1974, quân và dân ta ở miền Nam đã liên tiếp giành được thắng lợi to lớn trên khắp các chiến trường
- Trên cơ sở thuận lợi của tình hình, **Hội nghị Bộ Chính trị đợt 1 (từ ngày 30/9 - 8/10/1974) và đợt 2 (từ ngày 8/12/1974 - 7/1/1975) đề ra quyết tâm giải phóng miền Nam với kế hoạch hai năm 1975-1976**
  - + Năm 1975 tranh thủ bất ngờ tấn công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để
  - + Năm 1976 tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- Ngoài kế hoạch nói trên, Bộ Chính trị còn dự kiến một **phương hướng hành động linh hoạt là nếu thời cơ đến**, vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì **lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975**.

##### 3. Bắt đầu hành động

- Chấp hành quyết định chiến lược nói trên, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã diễn ra trên toàn miền Nam, trong đó quyết định là **ba đòn tiến công chiến lược lớn**.
  - (1) Bắt đầu bằng Chiến dịch Tây Nguyên, 10/3/1975 đã giành được thắng lợi hoàn toàn.
    - Sau chiến dịch Tây Nguyên, ngày **18/3/1975, Bộ chính trị quyết định giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975**.
  - (2) Đòn chiến lược tiến công thứ hai, giải phóng thành phố Huế. Ngày 21/3/1975, chiến dịch giải phóng thành phố Huế bắt đầu. Ngày 26/3/1975, thành phố Huế được giải phóng. Tiếp đó, ngày 29/3/1975, Đà Nẵng được giải phóng.
    - Trên đà thắng lợi đó **Bộ chính trị quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975**, với mệnh lệnh: “thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa”.
  - (3) Ngày 26/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định bắt đầu.
    - + Đến 11h30 ngày 30/4, sau khi Dinh Độc Lập thất thủ, Tổng thống ngụy Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, lá cờ chiến thắng được cắm trên Dinh Độc Lập.
    - + Ngày 1/5, toàn bộ lực lượng còn lại của quân ngụy tan rã, ta giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

#### 4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)

##### a. Ý nghĩa

- Đây là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược đi lên CNXH
- Làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc
- Làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một vòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á
- Mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

##### b. Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam
- Sự đoàn kết, phấn đấu hy sinh của đồng bào và chiến sĩ cả nước.
- Nhờ sức mạnh của chế độ XHCN ở miền Bắc cả về chính trị, tinh thần và vật chất với tư cách là hậu phương lớn
- Đặc biệt là tinh thần quả cảm, anh dũng, kiên cường của quân dân miền Nam
- Kết quả của tình đoàn kết chiến đấu của quân dân Việt Nam - Lào - Campuchia
- Sự giúp đỡ của các nước XHCN và sự ủng hộ nhiệt tình của phong trào công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

##### c. Kinh nghiệm

- **Một là**, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ
- **Hai là**, tìm ra phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng tổng hợp.
- **Ba là**, phải có công tác tổ chức chiến đấu giỏi của các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội, thực hiện giành thắng lợi từng bước đến thắng lợi hoàn toàn
- **Bốn là**, hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng chiến đấu trong cả nước, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế.

## CHƯƠNG 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-NAY)

### I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)

#### 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn 1975 - 1981

##### a. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước

###### 1. Hoàn cảnh

###### (1) Thuận lợi

- Qua hơn 20 năm (1954 - 1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, đã xây dựng được những cơ sở vật chất - kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội.
- Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, chế độ thực dân mới của Mỹ cùng bộ máy chính quyền Sài Gòn sụp đổ, cả nước bước vào kỉ nguyên độc lập, thống nhất và cả nước đi lên CNXH, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

###### (2) Khó khăn

- Ở miền Bắc, trải qua các cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đã làm cho miền Bắc bị tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài.
- Ở miền Nam, tàn dư của xã hội cũ còn tồn tại, làng mạc bị tàn phá, ruộng đất bị bỏ hoang... thất nghiệp lên tới hàng triệu người.

###### 2. Chủ trương của Đảng

- **Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8/1975)** chủ trương: **Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.**

###### 3. Quá trình thống nhất về mặt Nhà nước

- Từ ngày 15 - 21/11/1975, Hội nghị hiệp thương chính trị giữa hai đoàn đại biểu hai miền Nam, Bắc họp tại Sài Gòn, nhất trí về chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- Ngày 25/4/1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (Quốc hội Khoá VI) được tiến hành trong cả nước với hơn 23 triệu cử tri đi bỏ phiếu, bầu ra 492 đại biểu.
- Từ ngày 24/6 đến ngày 3/7/1976, Quốc hội Khoá VI, Kỳ họp thứ nhất đã thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của nhà nước Việt Nam thống nhất. Đặt tên nước là "Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam", Quốc huy mang dòng chữ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kì là cờ đỏ sao vàng năm cánh, Quốc ca là bài Tiến quân ca; Thủ đô Hà Nội. Đổi tên Thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh. Bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của đất nước, bầu Ban dự thảo Hiến pháp.
- Theo chủ trương của Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội đều được thống nhất cả nước với tên gọi mới: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, Tổng Công đoàn Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,...
- Ngày 31/7/1977, Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình Việt Nam đã thống nhất thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Ngày 18/12/1980, Hiến pháp mới được Quốc hội Khoá VI thông qua. Đây là bản Hiến pháp thứ ba của nước Việt Nam mới, bản Hiến pháp đầu tiên của thời kì cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

###### 4. Ý nghĩa

- Thể hiện ý chí, nguyện vọng của cả dân tộc Việt Nam là xây dựng một nước Việt Nam thống nhất, độc lập và xã hội chủ nghĩa.
- Tạo cơ sở để hoàn thành thống nhất đất nước trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hoá, xã hội.
- Tạo điều kiện phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước để xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, tăng cường khả năng quốc phòng - an ninh và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới đưa cả nước lên CNXH.
- Thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

##### b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (1976) của Đảng và quá trình xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ Quốc (1976-1981)

Bối cảnh → Nội dung → Quá trình → Kết quả

###### 1. Bối cảnh

- **Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976, tại Hà Nội.** Dự Đại hội có 1.008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức Quốc tế tham dự.
- Đại hội đã thông qua *Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch 5 năm (1976-1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng*
- Quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng cộng sản Việt Nam. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

###### 2. Nội dung

(1) **Đại hội tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.** Đại hội khẳng định: Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một trong những trang chói lọi nhất của lịch sử dân tộc và là một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính chất thời đại sâu sắc.

(2) **Đại hội xác định ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới** trên cơ sở phân tích tình hình thế giới, trong nước:

- + **Một là**, nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.
- + **Hai là**, Tổ quốc ta đã hoà bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra.
- + **Ba là**, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt.



### (3) Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng XHCN trong giai đoạn mới

1. Điều kiện xây dựng CNXH: Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động
2. Phương hướng: tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng:
  - + Cách mạng về quan hệ sản xuất
  - + Cách mạng khoa học - kỹ thuật
  - + Cách mạng tư tưởng và văn hóa→ Cách mạng KH - KT là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa XHCN là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên CNXH.
3. Mục tiêu (đặc trưng cơ bản) chủ nghĩa xã hội:
  - (1) Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa: là xây dựng một xã hội trong đó người làm chủ là nhân dân lao động có tổ chức, mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo.
  - (2) Xây dựng nền sản xuất lớn: bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất, trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể và một nền khoa học kỹ thuật hiện đại.
  - (3) Xây dựng nền văn hóa mới: là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.
  - (4) Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa có những đặc trưng nổi bật là: làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản.

### (4) Đại hội xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế, nổi bật là:

1. Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà: Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. **Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng** một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
2. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý:
  - (1) Kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công - nông nghiệp. Vừa xây dựng KT trung ương vừa phát triển KT địa phương, kết hợp KT trung ương với KT địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất.
  - (2) Kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; Kết hợp kinh tế với quốc phòng; Tăng cường quan hệ hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi.
  - (3) Mục tiêu: làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hoá và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc.

### (5) Đại hội xác định kế hoạch 5 năm (1976-1980): Phương hướng thực hiện trong 5 năm nay là nhằm **hai mục tiêu cơ bản và cấp bách**:

1. Đảm bảo nhu cầu đời sống nhân dân, tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội
2. Đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới.

- Ý nghĩa: Đại hội IV của Đảng là Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên CNXH. Đại hội đã cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân ra sức lao động sáng tạo để xây dựng đất nước.
- Hạn chế: Đại hội IV của Đảng còn bộc lộ một số những hạn chế: chưa phát hiện ra những khuyết điểm của mô hình chủ nghĩa xã hội bộc lộ sau chiến tranh. Việc ưu tiên công nghiệp nặng với quy mô lớn, việc đề ra các chỉ tiêu kinh tế nông nghiệp và công nghiệp vượt quá khả năng thực tế,...là những chủ trương nóng vội, thực tế đã không thực hiện được.

### 3. Quá trình xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ Quốc (1976-1981)

#### (1) Về kinh tế: tập trung vào phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, phân phối lưu thông

1. Nông nghiệp
  - Hội nghị Trung ương 6 (8/1979) là **bước đột phá đầu tiên** đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo XHCN, phá bỏ những hàng rào để cho "sản xuất bung ra".
  - Chỉ thị số 100-CT/TW (1/1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp.
2. Công nghiệp
  - Quyết định số 25-CP (1/1981) của Chính phủ về quyền chủ động s/x k/doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp.
  - Quyết định số 26-CP (1/1981) của Chính phủ về mở rộng trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước.

#### (2) Về chính trị

- Tháng 9/1980, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quyết định biện pháp bảo đảm việc thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp.

#### (3) Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc

Sau 30 năm chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, VN đối mặt với những thế lực thù địch chống phá CM nước ta. Các cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và chiến tranh biên giới phía Bắc đã gây ra tình trạng bất ổn chính trị ở nước ta.

##### 1. Cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam

- Quân Pol Pot của Campuchia không chỉ mất nhân tính khi thực hiện diệt chủng chính đồng loại mình, mà còn xâm phạm chủ quyền, lãnh thổ Việt Nam, gây ra nhiều tội ác theo lối diệt chủng đối với nhân dân VN:
  - + Tấn công trên toàn tuyến biên giới của Việt Nam như An Giang, Long An, Đồng Tháp, Tây Ninh
  - + Vu cáo VN muốn xoá đất nước Campuchia để lập liên bang
  - + Kích động "hận thù dân tộc", bôi nhọ sự thật lịch sử và truyền thống láng giềng tốt đẹp VN - Campuchia
  - + Gây ra nhiều cuộc thảm sát dã man theo lối diệt chủng trên nhiều địa phương hai bên biên giới.
- Từ ngày 22/12/1978 đến ngày 7/1/1979, Quân đội nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc tổng công kích giải phóng Campuchia
- Ngày 18/2/1979, Việt Nam và Campuchia đã ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác.



## 2. Cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc

- Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của VN thắng lợi (1975), quan hệ giữa VN và Trung Quốc dần xấu đi.
- Sau nhiều lần gây ra các vụ khiêu khích quân sự quy mô nhỏ, từ ngày 17/ 2/1979, phía Trung Quốc đã huy động 60 vạn quân, trên 500 xe tăng, xe bọc thép; hàng ngàn khẩu pháo các loại... mở cuộc tiến công xâm phạm lãnh thổ Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc từ Phong Thổ (Lai Châu) đến Móng Cái (Quảng Ninh)
- Quân dân Việt Nam, nhất là quân dân các tỉnh phía Bắc đã kiên cường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc khiến chính quyền Trung Quốc phải tuyên bố rút quân về nước và mong muốn khôi phục quan hệ hữu nghị giữa hai nước.
- 19/4/1979, Việt Nam và Trung Quốc đã đàm phán, từng bước giải quyết những tranh chấp về biên giới lãnh thổ và các vấn đề khác để khôi phục hòa bình, quan hệ hữu nghị giữa hai nước.

## 4. **Kết quả**

### (1) **Thành tựu**

Xây dựng CNXH: Giành được thành tựu bước đầu trong công cuộc xây dựng CNXH, củng cố chế độ XHCN.

- Trên mặt trận kinh tế chúng ta đã khắc phục những hậu quả nặng nề do chiến tranh xâm lược và thiên tai gây ra, khôi phục và phát triển sản xuất, phân bổ lại lao động xã hội, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đạt được những kết quả bước đầu, giai cấp tư sản mại bản bị xoá bỏ, một bộ phận công thương nghiệp tư bản đã được cải tạo, nông dân ở nhiều nơi tham gia tập đoàn sản xuất kể cả vào làm ăn tập thể.
- Trên mặt trận văn hoá, sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển, nạn mù chữ về cơ bản được thanh toán. Công cuộc xây dựng nền văn hoá mới được triển khai trong cả nước. Sự nghiệp văn học nghệ thuật đạt được một số tiến bộ. Công tác y tế, thể dục thể thao, có nhiều cố gắng vươn lên. Các ngành khoa học, kỹ thuật đã đáp ứng tốt một số yêu cầu của kinh tế và quốc phòng.

Bảo vệ Tổ Quốc: thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ

(2) **Hạn chế**: Kết quả nhìn chung đã không đạt chỉ tiêu do Đại hội IV đề ra.

- Giá cả tăng vọt, phân phối rối ren.
- Lưu thông, phân phối rối ren, giá cả tăng vọt, nhập khẩu tăng gấp 4-5 lần xuất khẩu.
- Đời sống của nhân dân, cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang rất khó khăn.
- Từ cuối năm 1979, ở một số địa phương miền Bắc đã xuất hiện hiện tượng “xé rào”, “khoán chui”.
- Ở miền Nam, việc thí điểm hợp tác xã diễn ra phức tạp, lúng túng...

### (3) **Nguyên nhân**

- Do xuất phát từ nền kinh tế thấp kém
- Chính sách cấm vận, bao vây, cô lập của các thế lực thù địch.
- Bên cạnh đó là sai lầm của Đảng, Nhà nước về lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội làm trầm trọng thêm những khó khăn.

## 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (1982) của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982-1986)

### 1. Bối cảnh lịch sử

- **Đại hội Đảng lần thứ V họp từ ngày 27 đến ngày 31/3/1982** trong bối cảnh
  - + Mỹ tiếp tục thực hiện bao vây, cấm vận
  - + Các thế lực thù địch ra sức chống phá cách mạng Việt Nam
  - + Tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trong nước ngày càng trầm trọng.
- Dự Đại hội có 1.033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên cả nước, có 47 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế. Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng, bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng gồm 116 ủy viên chính thức, Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

### 2. Nội dung cơ bản của Đại hội

- (1) **Đại hội đánh giá kết quả thực hiện 5 năm (1976-1980):** trên cơ sở kết quả đã đạt được, Đại hội chỉ ra những khuyết điểm sai lầm
- + Chưa thấy hết những khó khăn phức tạp của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ là phổ biến;
  - + Chưa thấy hết tính chất phức tạp của những đảo lộn về kinh tế sau những năm chiến tranh kéo dài, những khó khăn, phức tạp, những yếu kém trong quản lý kinh tế - xã hội;
  - + Chưa lường hết những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới.
  - + Chỉ ra những tư tưởng bảo thủ, trì trệ duy trì quá lâu cơ chế quản lý hành chính quan liêu, bao cấp, chậm thay đổi các chính sách và chế độ đã kìm hãm sản xuất.
- (2) **Đại hội xác định nhiệm vụ cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ:** Những mục tiêu kinh tế và xã hội tổng quát cho những năm đó là:
1. Ổn định dần dần, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân
  2. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu...
  3. Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước
  4. Đáp ứng những nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh trật tự
- (3) **Đại hội xác định nhiệm vụ chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:** có hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau là:
1. Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội
  2. Bảo vệ vững chắc Tổ quốc.
- (4) **Đại hội xác định nội dung công nghiệp hóa trong chặng đường đầu tiên:**
1. Tập trung sức phát triển **nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu**, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn XHCN;
  2. Ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý.
  3. Đại hội cũng chỉ rõ trong một thời gian nhất định ở miền Nam còn 5 thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể và tư bản tư doanh).

- **Ý nghĩa:** Đại hội V đã có những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá độ lên CNXH, trước hết là về mặt kinh tế.
- Tuy nhiên, vẫn còn có những hạn chế nhất định đó là chưa quyết liệt trong việc thực hiện đường lối, chưa thấy sự cần thiết duy trì nền kinh tế nhiều thành phần, chưa nhận thức rõ về nền kinh tế trường...

### 3. Quá trình thực hiện (Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế và thực hiện kế hoạch 5 năm (1982-1986)

- ★ Sau Đại hội Đảng lần thứ V, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tiến hành **11 hội nghị**, trong đó có 8 hội nghị chuyên bàn về phát triển KT - XH. Trong đó, tiếp nối **Hội nghị Trung ương 6 (8/1979)** là **bước đột phá đầu tiên** thì **Hội nghị Trung ương 8 khóa V (6/1985)** được coi là **bước đột phá thứ hai** và **Hội nghị Bộ Chính trị khóa V (8/1986)** là **bước đột phá thứ ba** về trong quá trình hình thành đường lối đổi mới kinh tế.

- (1) **Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa V (7/1984)**, chủ trương tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông với hai loại công việc cần làm ngay:

1. **Một là**, phải đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do;
2. **Hai là**, thực hiện điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp với thực tế.

- (2) **Hội nghị Trung ương 8 khóa V (6/1985)**, chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp, lấy giá lương tiền là khâu đột phá để chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

1. **Xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp:** thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hoạch toán KT và kinh doanh XHCN.
2. **Điều chỉnh giá - lương - tiền:** Tiến hành cuộc điều chỉnh lớn và toàn diện về giá - lương - tiền với việc ban hành một số giá mới và lương mới, xóa bỏ hoàn toàn giá cung cấp và chế độ tem phiếu, chỉ giữ lại số gạo cho một số những người hưởng lương. Tuy nhiên, do vội vàng đổi tiền, tổng điều chỉnh giá lương trong khi chưa chuẩn bị sẵn sàng nên hậu quả là lạm phát "phi mã" trong 3 năm 1986-1988.

- (3) **Hội nghị Bộ Chính trị khóa V (8/1986)** đưa ra "Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế". Nội dung như sau:

1. **Về cơ cấu sản xuất:** Cần điều chỉnh về cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư theo hướng lấy **nông nghiệp là mặt trận hàng đầu**, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, phát triển công nghiệp nặng phải có lựa chọn về quy mô và nhịp độ cho phù hợp. **Thực hiện ba chương trình về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu.**
2. **Về cải tạo xã hội chủ nghĩa:** cần nhận thức đúng đắn đặc trưng của **thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta là nền KT có cơ cấu nhiều thành phần**, phải sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế.
3. **Về cơ chế quản lý kinh tế:** phát huy vai trò chủ đạo các quy luật kinh tế XHCN, sử dụng đúng quy luật quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Phân biệt chức năng quản lý của Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, đảm bảo các quyền tập trung thống nhất của Trung ương, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở.

#### 4. Kết quả

##### (1) Thành tựu: Trong 5 năm 1981-1985

- + Tổng sản phẩm xã hội tăng bình quân hàng năm là 7,3%; Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,4%; Nông nghiệp tăng bình quân hàng năm là 4,9%; Công nghiệp tăng bình quân hàng năm là 9,5%; Hàng xuất khẩu tăng bình quân hàng năm là 15,6%; Lương thực đạt 17 triệu tấn/năm; Điện tăng thêm 456.000kw; Than tăng thêm 2,5 triệu tấn.
- + Văn hóa, giáo dục, y tế có nhiều chuyển biến tích cực.
- + Đời sống nhân dân được cải thiện.
- + Có nhiều giúp đỡ các nước bạn Lào, Campuchia.

##### (2) Hạn chế

- + Đất nước đối mặt với tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế xã hội như sản xuất chậm, nhiều chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm không đạt được, tài nguyên bị lãng phí.
- + Phân phối lưu thông rối ren
- + Tình trạng thất nghiệp cao
- + Hàng tiêu dùng khan hiếm
- + Điều kiện giáo dục, y tế kém không đáp ứng được nhu cầu của nhân dân.
- + Đời sống nhân dân khó khăn.

#### TỔNG KẾT 10 NĂM SAU CHIẾN TRANH (1975-1986)

##### 1. Thành tựu

- + Đất nước được thống nhất, chúng ta đã thực hiện thắng lợi chủ trương thống nhất về mặt Nhà nước
- + Đạt được những thành tựu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội
- + Giành thắng lợi to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

##### 2. Hạn chế

- + Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng và kéo dài
- + Đất nước bị bao vây, cô lập, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, niềm tin của nhân dân suy giảm.

##### 3. Nguyên nhân

- + Khách quan: hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh vẫn chưa được khắc phục; xây dựng đất nước trên nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu.
- + Chủ quan: do những sai lầm của Đảng trong đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, bước đi, sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế; sai lầm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong lĩnh vực phân phối, lưu thông; duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp; buông lỏng chuyên chính vô sản trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội và trong đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn của địch.

## II. Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay)

### 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1986-1996)

#### a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước

##### 1. Bối cảnh lịch sử tiến hành Đại hội VI

- **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12/1986)** của Đảng diễn ra trong bối cảnh
  - + Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai phát triển mạnh mẽ
  - + Xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu.
  - + Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đều tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng CNXH.
  - + Khi đó, Việt Nam đang bị các nước đế quốc và thù địch bao vây; vẫn trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.
- Đại hội có 1.129 đại biểu thay mặt cho 2.027.638 đảng viên cả nước và 32 đoàn đại biểu quốc tế đến dự. Với tinh thần “*nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật*”, Đại hội VI đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm của Đảng giai đoạn 1975 - 1986.
- Đây là **Đại hội đổi mới toàn diện**, đánh dấu bước ngoặt phát triển mới trong thời kì quá độ lên CNXH. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư.

##### 2. Nội dung cơ bản của Đại hội VI

(1) **Đại hội chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm trong thời kỳ 1975-1986** trên cơ sở đánh giá đúng sự thật thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm. Từ đó rút ra 4 bài học kinh nghiệm:

1. Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”.
2. Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.
3. Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.
4. Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng XHCN

(2) **Đường lối đổi mới của Đảng trên các lĩnh vực** như sau:

##### 1. Về kinh tế

- Tư tưởng cốt lõi của đổi mới kinh tế là:
  - + Thực hiện chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế.
  - + Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường.
  - + Thực hiện ba chương trình kinh tế bao gồm chương trình lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.
- Đại hội xác định nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là:
  - + Ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội
  - + Tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa XHCN trong chặng đường tiếp theo.
- Đại hội xác định mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là:
  - + Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy
  - + Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
- Đại hội xác định năm phương hướng lớn phát triển kinh tế:
  - + Bố trí lại cơ cấu sản xuất
  - + Điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất XHCN
  - + Sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế
  - + Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật
  - + Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

##### 2. Về xã hội: Bốn nhóm chính sách xã hội là:

- Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động.
- Thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội.
- Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân.
- Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội

##### 3. Về công tác Đảng: Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng cần phải:

- Đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng
- Đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc
- Giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng.
- Đảng cần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện “dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra”.

##### 4. Về đối ngoại: nhiệm vụ đặt ra là:

- Tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa
- Bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới.

##### 5. Về quốc phòng và an ninh: Đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc.

**Ý nghĩa:** Đại hội VI đã **khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện**, đánh dấu bước ngoặt phát triển mới trong thời kì quá độ lên CNXH của Việt Nam.

### 3. Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI (1986-1991)

★ Bối cảnh:

- **Công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu rơi vào khủng hoảng toàn diện và sụp đổ hoàn toàn vào tháng 12/1991.**
- Từ sau năm 1979, quân đội Trung Quốc vẫn còn bắn pháo, gây hấn trên một số vùng biên giới phía Bắc.
- Ở trong nước khủng hoảng KT - XH vẫn diễn ra trầm trọng. Lương thực, thực phẩm thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, lạm phát cao đời sống khó khăn.

#### (1) Về kinh tế

1. Trong nông nghiệp nổi bật là tháng 4/1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 10/NQ Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, đề ra cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên. Đồng thời, lần đầu tiên Luật đầu tư nước ngoài được thông qua có hiệu lực từ ngày 1/1/1988.
2. Trong công nghiệp, xóa bỏ chế độ tập trung bao cấp, chuyển các hoạt động của các đơn vị KT quốc doanh sang kinh doanh XHCN.
3. Về phân phối lưu thông, Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương (4/1987) đề ra chủ trương, biện pháp cấp bách, thực hiện bốn giảm: giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân.
4. Về cải tạo XHCN, NN công nhận sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần KT và bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ trước pháp luật.

(2) **Về chính trị:** Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa III (3/1989) chính thức dùng khái niệm **hệ thống chính trị**, đề ra những chủ trương cụ thể và xác định 6 nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, trong đó đặc biệt nhấn mạnh: Đi lên CNXH là con đường tất yếu. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn.

#### (3) Về tư tưởng

- Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương (3/1990) đã kịp thời phân tích tình hình các nước XHCN, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc, đề ra nhiệm vụ của Đảng ta.
- Cuộc khủng hoảng này đã và đang tác động tiêu cực đến cách mạng nước ta; làm một số người hoài nghi với CNXH, giảm lòng tin đối với Đảng và Nhà nước. Một số ít phần tử cơ hội, bất mãn đẩy mạnh hoạt động chống lại sự lãnh đạo của Đảng, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng, gây mất ổn định tình hình.

(4) **Về đối ngoại:** Bắt đầu từ năm 1990, Đảng và Nhà nước có những chủ trương đổi mới về quan hệ đối ngoại.

1. Ưu tiên giữ vững hòa bình và phát triển kinh tế
2. Kiên quyết thực hiện chính sách “thêm bạn, bớt thù”
3. Mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi.

#### (5) Công tác xây dựng Đảng

- Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương (3/1990) yêu cầu Đảng phải đổi mới tư duy nhất là tư duy kinh tế
- Đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tăng cường công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới.

### 4. Kết quả

#### (1) Thành tựu

- Chính trị ổn định, dân chủ trong xã hội được phát huy.
  - Nền kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực:
    - + GDP tăng 4,4%/năm; tổng giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 3,84%/năm; công nghiệp tăng bình quân 7,4%/năm, trong đó sản xuất hàng tiêu dùng tăng 13 -14%/năm; giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng 28%/năm.
    - + Việc thực hiện tốt ba chương trình mục tiêu phát triển về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu đã phục hồi được sản xuất, tăng trưởng kinh tế, kiềm chế lạm phát. Đến năm 1991 lạm phát từ 774,7% năm 1986 giảm còn 67,1%.
    - + Cuối năm 1988, chế độ phân phối theo tem phiếu đã được xóa bỏ, lương thực không những đủ ăn mà còn dư để xuất khẩu. Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể.
  - Lĩnh vực giáo dục và đào tạo có tiến bộ trong việc xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp cũng như cơ cấu hệ thống giáo dục
  - Quốc phòng an ninh được giữ vững, mở rộng quan hệ quốc tế. Đã thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia, rút hết quân tình nguyện ở Campuchia về nước.
- Đây được đánh giá là thành công bước đầu, cụ thể hóa nội dung của công nghiệp hóa XHCN trong chặng đường đầu tiên.
- Điều quan trọng nhất, đây là giai đoạn chuyển đổi cơ bản từ cơ chế quản lý cũ sang cơ chế quản lý mới, thực hiện một bước quá trình đổi mới đời sống kinh tế - xã hội và bước đầu giải phóng được lực lượng sản xuất, tạo ra động lực phát triển mới.

#### (2) Hạn chế

- Việt Nam chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhiều vấn đề kinh tế xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết triệt để. Các lĩnh vực như văn hóa - xã hội, giáo dục - y tế còn nhiều bất cập.

## b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (1991-1996)

### 1. Bối cảnh

- Đại hội VII của chúng ta tiến hành trong bối cảnh quốc tế và trong nước phức tạp:
  - + Sự khủng hoảng trầm trọng của chế độ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.
  - + Giai đoạn 1986-1990, ta cũng phải đương đầu với hoạt động phá hoại của các lực lượng thù địch ở cả trong và ngoài nước.
  - + Tình hình kinh tế và đời sống nhân dân còn khó khăn, đất nước vẫn trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.
  - + Tuy nhiên, công cuộc đổi mới được Đảng đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) bước đầu đạt thành tựu đáng kể, nhờ đó nước ta đã đứng vững và tiếp tục phát triển.
- **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng họp tại Hà Nội (6/1991)** với 1.176 đại biểu thay mặt cho hơn hai triệu đảng viên cả nước.
- Đại hội thông qua các văn kiện quan trọng "*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*" và "*Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*".
- Ban chấp hành Trung ương Đảng gồm 146 ủy viên chính thức do đồng chí Đỗ Mười là Tổng Bí thư. Chủ đề của Đại hội là: "*Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết*".

### 2. Nội dung

- ★ **Văn kiện thứ nhất: "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH"** do Đại hội VII thông qua (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991). Nội dung cơ bản của Cương lĩnh:

(1) **Tổng kết hơn 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam**, chỉ ra những thành công, khuyết điểm, sai lầm và rút ra 5 bài học lớn:

1. Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.
2. Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân.
3. Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết; đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.
4. Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
5. Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm những thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

(2) **Đảng đã nêu đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam** và xác định **6 đặc trưng cơ bản của xã hội chủ nghĩa** mà nhân dân ta xây dựng là:

1. Do nhân dân lao động làm chủ
2. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
3. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
4. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
5. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ
6. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới

(3) **Cương lĩnh năm 1991 nêu 7 phương hướng lớn xây dựng CNXH** là:

1. Xây dựng Nhà nước XHCN
2. Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm.
3. Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu.
4. Phát triển nền KTHH nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
5. Tiến hành cách mạng XHCN trên mọi lĩnh vực tư tưởng, văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội.
6. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.
7. Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(4) **Cương lĩnh năm 1991** cũng nêu rõ quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước XHCN của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

- ★ **Văn kiện thứ 2: "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000"** với mục tiêu tổng quát là **đến năm 2000 ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế xã hội**, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. GDP năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990.

#### ★ **Tại Đại hội VII, Đảng khẳng định**

- Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.
- Mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

*Ý nghĩa của Đại hội:* Thành công của Đại hội đánh dấu bước trưởng thành mới của Đảng, cột mốc mới trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

### 3. Quá trình

- ★ Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, trong những năm 1991-1996, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã tổ chức **12 Hội nghị và Hội nghị giữa nhiệm kỳ** nhằm chỉ đạo tiếp tục đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có một số Hội nghị điển hình với những lĩnh vực được nổi bật là:

#### (1) Về kinh tế

1. **Trong nông nghiệp:** Hội nghị Trung ương 5 (3-10/6/1993) Hội nghị bàn sâu về chính sách đối với nông dân, nông nghiệp và nông thôn để đưa nông nghiệp và nông thôn tiến nhanh và vững chắc hơn.
2. **Trong công nghiệp:** Hội nghị Trung ương 7 (7/1994) Hội nghị đã nhất trí thông qua nghị quyết: Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng CNH-HĐH đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới.

**(2) Về xây dựng Đảng, đối ngoại và củng cố quốc phòng:** Hội nghị Trung ương 3 (6/1992) - thảo luận 3 vấn đề quan trọng

1. Xây dựng Đảng: Lần đầu tiên đưa ra chủ trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng.
2. Nhiệm vụ quốc phòng và an ninh
3. Chính sách đối ngoại: là đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi.

★ **Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ (1/1994) của Đảng:**

- Hội nghị có nhiệm vụ kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và tổng kết một bước thực tiễn đổi mới từ Đại hội VI; Xác định những chủ trương và giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII.
- Hội nghị xác định thời cơ, thách thức của đất nước trong thời kỳ mới:

Về thời cơ

1. Đảng có đường lối đúng đắn
2. Nhân dân cần cù, thông minh, yêu nước, có bản lĩnh và ý chí kiên cường, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng
3. Các lực lượng vũ trang trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta
4. Những thành tựu đổi mới đang tạo ra thế và lực mới của cách mạng.

Về nguy cơ: có liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau

1. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt
  2. Nguy cơ lệch hướng XHCN nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện
  3. Nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu
  4. Nguy cơ "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch
- Đảng cũng khẳng định:
    - + Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân do dân vì nhân dân do Đảng cộng sản lãnh đạo.
    - + Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện 3 quyền hành pháp, lập pháp, tư pháp.
    - + Tăng cường pháp chế XHCN.
    - + Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội.

**4. Kết quả: Về cơ bản nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội**

**(1) Thành tựu:** Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đất nước ta có nhiều chuyển biến tích cực trên tất cả mọi lĩnh vực:

- Chính trị: Ổn định chính trị - xã hội được giữ vững. Quốc phòng an ninh được củng cố.
- Kinh tế: nhiều chỉ tiêu kế hoạch đã hoàn thành vượt mức, GDP đạt 8,2% (kế hoạch 5,6-6,5%), lạm phát từ 67,1% năm 1991 xuống còn 12,7% năm 1995. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN ngày càng được triển khai rộng rãi, bước đầu có những kết quả tích cực. Đời sống nhân dân ngày càng được đầy đủ.
- Đối ngoại:
  - + Kết quả từ tháng **11/1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ. Ngày 28/7/1995 là thành viên của Asean. Ngày 11/7/1995 thiết lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ.**
  - + Đến cuối năm 1995, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 160 nước, quan hệ buôn bán với trên 100 nước.
  - + Ngày 28/7/1994, Việt Nam phê chuẩn tham gia Công ước về Luật biển 1982 của Liên hiệp quốc.
- Văn hóa - xã hội: Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân khá hơn trước. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo được toàn dân hưởng ứng. Dân chủ được phát huy. Lòng tin của nhân dân đối với chế độ và tiền đồ đất nước với Đảng và Nhà nước được khẳng định.
- Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN có chuyển biến tích cực, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

**(2) Hạn chế**

- Việt Nam vẫn là nước nghèo.
- Kinh tế Việt Nam còn mất cân đối, lạc hậu, trình độ kém, thu nhập quốc dân, năng suất còn thấp, đời sống nhân dân khó khăn.
- Xã hội nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực tham nhũng, lãng phí, buôn lậu và nhiều tiêu cực còn tồn tại trong nhà nước. Bắt đầu phân hóa giàu nghèo giữa các vùng và các tầng lớp dân cư.

**TỔNG KẾT QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN 10 NĂM ĐỔI MỚI (1986-1996)**

- **Thành tựu:**
  - + Có thể và lực của đất nước ta đã có sự biến đổi rõ rệt về chất, nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng KT-XH nghiêm trọng và kéo dài.
  - + Hoàn thành chặng đường đầu tiên, tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới
  - + Đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước.
  - + Con đường đi lên CNXH ngày càng sáng rõ hơn.
- **Hạn chế:**
  - + Nước ta còn nghèo và kém phát triển.
  - + Chúng ta lại chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển
  - + Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết
  - + Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng vừa buông lỏng
  - + Quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội còn yếu
  - + Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm.



## 2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập quốc tế từ năm 1996 đến nay

### a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (1996) và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh CNH-HĐH (1996-2001)

#### 1. Bối cảnh diễn ra Đại hội

- Đại hội diễn ra trong
  - + Thời kỳ cách mạng khoa học và công nghệ phát triển với trình độ cao hơn.
  - + Chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào thoái trào.
  - + Sau 10 năm đổi mới, VN đã giành được những thắng lợi bước đầu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, phá được thế bị bao vây, cô lập nhưng vẫn là nước nghèo, kém phát triển, xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết.
- Đại hội diễn ra từ ngày **28/6 đến ngày 1/7/1996**, dự đại hội có 1.198 đại biểu thay mặt cho 2.130.000 đảng viên trong cả nước. Đồng chí Đỗ Mười tiếp tục được bầu làm Tổng bí Thư.
- Đại hội thông qua nhiều văn kiện quan trọng, đặc biệt “Báo cáo chính trị” đã thể hiện nội dung của Chủ đề của Đại hội VIII là: “*Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên CNXH*”.

#### 2. Nội dung cơ bản Đại hội

##### (1) Đánh giá tổng quát sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và sau 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội VII

- *Nhiệm vụ đề ra* cho chặng đường đầu của thời kì quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã *cơ bản hoàn thành*, cho phép chuyển sang thời kì đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước.
- Đại hội nêu ra 6 bài học chủ yếu qua 10 năm đổi mới:
  1. Một là, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trong quá trình đổi mới.
  2. Hai là, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm đồng thời từng bước đổi mới chính trị.
  3. Ba là, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.
  4. Bốn là, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân phát huy sức mạnh của dân tộc.
  5. Năm là, mở rộng, hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân trên thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại.
  6. Sáu là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

##### (2) Đại hội đề ra đường lối CNH-HĐH trong thời kỳ mới

- Mục tiêu của CNH-HĐH: Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, QHSX tiến bộ, phù hợp trình độ phát triển của LLSX, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.
- Quan điểm về công nghiệp hoá, hiện đại hóa trong thời kỳ mới gồm:
  1. Một là, giữ vững độc lập tự chủ, đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước chính là đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài.
  2. Hai là, CNH-HĐH là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.
  3. Ba là, lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.
  4. Bốn là, Khoa học và công nghệ là động lực của CNH- HĐH. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.
  5. Năm là, lấy hiệu quả kinh tế làm chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ.
  6. Sáu là, kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh.

##### (3) Về công tác xây dựng Đảng:

- Đảng phải tiếp tục sự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các biểu hiện tiêu cực và yếu kém.
- Cần phải giữ vững và tăng cường bản chất GCCN của Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ năng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và đổi mới công tác kiểm tra và kỉ luật Đảng.

*Ý nghĩa*: Đại hội VIII đánh dấu bước tiến vượt bậc của Đảng và nhân dân Việt Nam, đưa đất nước sang thời kì mới, đẩy mạnh CNH-HĐH xây dựng nhà nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo hướng XHCN. Bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh CNH-HĐH, thực hiện kế hoạch 5 năm (1996 - 2001)

### 3. Quá trình - Bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh CNH-HĐH, thực hiện kế hoạch 5 năm (1996-2001)

Đến tháng 11 năm 1999, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) đã tổ chức 12 Hội nghị với nhiều Nghị quyết để quyết định nhiều vấn đề quan trọng của Đảng và Nhà nước, nổi bật trên một số lĩnh vực sau:

#### (1) Về đổi mới kinh tế

1. *Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 22- 29/12/1997*. Hội nghị đã tập trung bàn về các nhiệm vụ kinh tế và một số vấn đề xã hội liên quan, để tiếp tục cụ thể hoá đường lối, chủ trương của Đại hội VIII về đẩy mạnh sự nghiệp CNH-HĐH.
2. *Hội nghị lần thứ 6 (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 13 đến 17/10/1998* đã tập trung thảo luận các Báo cáo của Bộ chính trị và Ban Cán sự Đảng Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội năm 1998, thu chi ngân sách năm 1999 và vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn.

## **(2) Về đổi mới hệ thống chính trị**

1. *Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng (6/1997)* đã thông qua Nghị quyết về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh.
2. *Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (12/1997)*: Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.
3. *Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng lần 2 (2/1999)* đã ra “Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng”
4. *Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (8/1999)* đã xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức các ban của Đảng ở các cấp; cải tiến cách làm của các cơ quan của Quốc hội, của Chính phủ và chính quyền địa phương; chỉ đạo và sắp xếp tổ chức của hai ngành kiểm sát và toà án; xây dựng quy chế làm việc, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội.
5. *Chỉ thị số 30-CT/TW (2/1998) của Bộ Chính trị* đã kịp thời ban hành về Quy chế dân chủ trước tình hình mất dân chủ xảy ra nghiêm trọng ở một số địa phương.

## **(3) Về đổi mới, phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng và phát triển văn hóa.**

1. *Hội nghị lần thứ 2 (12/1996) Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII)* thông qua 2 nghị quyết về Giáo dục và Khoa học công nghệ.
2. *Nghị quyết số 02- NQ/HNTW* về “Định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000 xây dựng những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”.
3. *Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (7/1998)*: đã ban hành Nghị quyết xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc - được ví như Tuyên ngôn văn hóa của Đảng trong thời kì CNH-HĐH
  - Nghị quyết đưa ra 5 quan điểm phát triển văn hóa:
    - 1) Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.
    - 2) Nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
    - 3) Nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
    - 4) Xây dựng và ↑ văn hoá là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng
    - 5) Văn hoá là một mặt trận; xây dựng, phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.
  - Đảng đưa ra 10 nhiệm vụ cụ thể xây dựng và phát triển văn hóa

## **4. Kết quả**

### **(1) Thành tựu**

- Kinh tế tăng trưởng khá.
- Văn hoá, xã hội có những tiến bộ
- Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định
- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng
- Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt
- Đảng ta tiếp tục củng cố tình đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc và tiến bộ trên thế giới; thiết lập quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước.

### **(2) Hạn chế**

- Chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, nguy cơ tụt hậu xa hơn còn lớn.
- Đất nước vẫn đang ở trình độ phát triển rất thấp về kinh tế và công nghệ.
- Các mặt văn hóa, xã hội vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bức xúc.
- Chất lượng giáo dục, đào tạo thấp; công tác giáo dục ở những vùng sâu, vùng xa, miền núi còn rất nhiều khó khăn.
- Hệ thống khám chữa bệnh phần lớn bị xuống cấp cả về cơ sở vật chất lẫn chất lượng, tinh thần và thái độ phục vụ.

## b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001) của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước (2001-2006)

### 1. Bối cảnh diễn ra Đại hội

- Đại hội họp mở đầu của thế kỷ XXI
  - + Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục có bước phát triển nhảy vọt, thúc đẩy sự ↑ KT tri thức, toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ.
  - + Khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương trở thành khu vực ↑ KT năng động nhưng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.
  - + Sau 15 năm đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thế và lực mới nhưng nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thách thức.
- Đại hội IX của Đảng họp từ ngày 19 đến ngày 22/4/2001 tại Hà Nội với 1.168 đại biểu thay mặt cho 2.479.719 đảng viên trong cả nước.
- Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng trong đó nổi bật là "*Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010*"; xác định rõ những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

### 2. Nội dung

#### (1) Đại hội làm rõ con đường phát triển lên CNXH ở nước ta là:

1. Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Con đường phát triển quá độ lên CNXH của nước ta là bỏ qua chế độ TBCN
3. Quan hệ các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
4. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH-HĐH theo định hướng XHCN, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

(2) **Về phát triển kinh tế:** Đại hội xác định thực hiện nhất quán và lâu dài nền **kinh tế thị trường định hướng XHCN** - là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.

#### (3) Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội
- Làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân
- Góp phần xây dựng con người VN ↑ toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, về năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống văn hoá, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

#### (4) Về đối ngoại

- Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.
- Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế "*Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập, phát triển*".

Ý nghĩa: Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đánh dấu bước trưởng thành về nhận thức vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển và cụ thể hoá Cương lĩnh chính trị năm 1991 của Đảng trong những năm đầu của thế kỷ XX.

### 3. Quá trình

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, Trung ương Đảng đã họp nhiều lần tiếp tục chỉ đạo đổi mới toàn diện đất nước, nổi bật những nhiệm vụ trọng tâm sau:

#### (1) Lĩnh vực kinh tế

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/2001) đã chỉ đạo sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, tạo bước phát triển mới, tạo thế và lực cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.
2. Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.
3. Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân.

#### (2) Những đổi mới về công tác tư tưởng, lý luận

1. Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (3/2002) đã đưa ra những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận của Đảng trong tình hình mới.
2. Ngày 27/3/2003, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 23-CT/TW về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới.

#### (3) Những đổi mới về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

1. Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc
2. Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/03/2003 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác dân tộc.
3. Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác tôn giáo..
4. Nghị quyết số 36 của Bộ Chính trị khóa IX (3/2004) đã ban hành chủ trương coi người Việt Nam ở nước ngoài.

(4) **Về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc:** Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (7/2003) đã ra kịp thời thảo luận và ban hành Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

#### **4. Kết quả**

##### **(1) Thành tựu**

- Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện
- Văn hoá và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt
- Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân đạt nhiều kết quả
- Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy. Công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực

##### **(2) Hạn chế**

- Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua chậm dần.
- Một số vấn đề văn hoá - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn ở mức cao, đang là một trong những vấn đề nổi cộm nhất của xã hội. Chất lượng giáo dục và đào tạo thấp so với yêu cầu đề ra.
- Tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

### c. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2001) của Đảng và quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm (2006-2011)

#### 1. Bối cảnh

- Đất nước đã trải qua 20 năm đổi mới, đạt những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Đất nước có sự thay đổi cơ bản, toàn diện, thể và lực, uy tín quốc tế tăng lên nhiều so với trước. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta có những thuận lợi và cơ hội lớn, nhưng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức không thể xem thường. Tình hình quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường.
- Đại hội họp từ **ngày 18 đến 25/4/2006 tại Hà Nội**. Tham dự Đại hội có 1.176 đại biểu thay mặt cho hơn 3,1 triệu đảng viên trong cả nước.
- Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu lại làm Tổng bí thư của Đảng.
- Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng như: Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Báo cáo về công tác xây dựng Đảng và Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).
- Chủ đề của Đại hội "*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công tác đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển*".

#### 2. Nội dung cơ bản

**(1) Cuộc "Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn của 20 năm đổi mới" (1986-2006)** - Một trong những dấu ấn sâu sắc nhất gắn liền với thành công của Đại hội X. Từ thực tiễn đổi mới, Đại hội rút ra các bài học chủ yếu sau:

1. Trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng CNMLN và tư tưởng HCM.
2. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
3. Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.
4. Phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.
5. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

**(2) Đại hội có nhiều đổi mới trong tư duy, khẳng định sự trưởng thành của Đảng** thể hiện ngay trong chủ đề Đại hội

1. **Thành tố đầu tiên của chủ đề Đại hội là "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng"**, điều đó cho thấy lần đầu tiên Đảng chú trọng hàng đầu đến nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng.
  - **Đại hội X của Đảng có điểm mới khi làm sáng tỏ bản chất của Đảng là:**
    - + ĐCS Việt Nam là đội tiên phong của GCCN, đồng thời là đội tiên phong của NDLD và của dân tộc Việt Nam
    - + Đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc.
  - **Điểm mới khác của Đại hội X**
    - 1) Lần đầu tiên nội hàm về thành phần kinh tế tư nhân được xác định rõ ràng, kinh tế tư nhân gồm ba thành tố: kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân
    - 2) Xác định vai trò của kinh tế tư nhân là "một trong những động lực của nền kinh tế".
    - 3) Đồng thời, Đảng xác định Đảng viên được phép làm kinh tế tư nhân với điều kiện phải gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

#### 2. Thành tố thứ hai chủ đề Đại hội X "phát huy sức mạnh toàn dân tộc"

- Điểm mới ở đây là
  - 1) Xóa bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp
  - 2) Tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc.
  - 3) Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội.

#### 3. Thành tố thứ ba chủ đề Đại hội X là "đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới"

- Quan điểm của Đảng là tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu như:
  - 1) Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.
  - 2) Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, với mục tiêu "Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế".

**(3) Đại hội xác định mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006-2010 là**

1. Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển
2. Tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

**Ý nghĩa của Đại hội:** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng có ý nghĩa trọng đại. Các văn kiện được thông qua tại Đại hội "là kết tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân ta, là sự tổng kết sâu sắc thực tiễn và lý luận 20 năm đổi mới". Thành công của Đại hội đánh dấu một mốc son trên chặng đường hơn 76 năm lãnh đạo cách mạng của Đảng, mở ra một thời kỳ phát triển mới của công cuộc đổi mới.

#### 3. Quá trình thực hiện

Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội X, Đảng đã tổ chức **15 Hội nghị** trong đó thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng, nổi bật là:

##### (1) Về đổi mới kinh tế

1. **Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng (7/2003), Nghị quyết số 09 - NQ/TW ngày 9/2/2007 về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.** Quan điểm chỉ đạo của Đảng: nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển., trên cơ sở phát huy
2. **Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng (1/2008), Nghị quyết số 21 - NQ/TW ngày 30/1/2008** đã đưa ra những chủ trương và giải pháp để tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
3. **Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng (8/2008) Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.**

**(2) Về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính**

1. Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng (8/2006) ra Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.
2. Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng (7/2007) ra 2 nghị quyết về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng:
  - 1) Nghị quyết số 15-NQ/TW về việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị.
  - 2) Nghị quyết số 17-NQ/TW về Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.
3. Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng (1/2008) Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 02/02/2008 Về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.
4. Ngày 29/5/2008, Quốc hội khóa XII đã ra nghị quyết Nghị quyết số 15/2008/QH12 về điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội kể từ ngày 01/8/2008.

**(3) Về phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc**

1. Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng, khóa X (1/2008) đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW về xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
2. Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng, khóa X (7-2008) đã ban hành 2 nghị quyết:
  - 1) Nghị quyết số 25-NQ/TW chuyên đề về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
  - 2) Nghị quyết số 27-NQ/TW về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước và hội nhập KTQT.

**(4) Về đổi mới công tác tư tưởng, lý luận, báo chí**

1. Tháng 11/2006, Bộ Chính trị khóa X quyết định tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.
2. Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng (7/2007) đã ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TW về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới.

**(5) Về đổi mới mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế**

1. Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng (1/2007) ra Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế sau khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO.

**4. Kết quả**

**(1) Thành tựu**

- Về kinh tế (2005-2010): **Việt Nam năm 2008 đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, đứng vào nhóm các nước có thu nhập trung bình.**
- Về đối ngoại, thành tựu nổi bật sau 5 năm (2006-2010):
  - + **Việt Nam đã trở thành thành viên 150 của tổ chức WTO**
  - + **Đảng cai và tổ chức thành công tuần lễ cao cấp APEC lần thứ 14 (11/2006).**
  - + **Hoàn thành phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền với Trung Quốc;** bước đầu đàm phán phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc.
  - + Ngoại giao văn hoá có nhiều khởi sắc, nhiều công trình văn hóa được công nhận là di sản văn hoá thế giới.
  - + Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài đạt kết quả tích cực; lượng kiều hối gửi về nước tăng tới 8 tỷ USD năm 2010.

**(2) Hạn chế**

- Kinh tế phát triển chưa bền vững; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, cơ hội và yêu cầu phát triển của đất nước; một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch.
- Các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hoá, xã hội, môi trường còn nhiều hạn chế, yếu kém, gây bức xúc xã hội.
- Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế
- Dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ
- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước
- Công tác xây dựng Đảng còn nhiều hạn chế, yếu kém, chậm được khắc phục

#### d. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011) của Đảng bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991

##### 1. Bối cảnh

- Bối cảnh diễn ra Đại hội
  - + Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ diễn biến phức tạp.
  - + Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng, suy thoái KT toàn cầu, ô nhiễm MT, biến đổi khí hậu xảy ra nghiêm trọng trên toàn thế giới.
  - + Cả nước vừa kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long-HN với những thành tựu quan trọng nhưng còn nhiều yếu kém cần được khắc phục.
  - + Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hoà bình”.
- Đại hội họp tại Hà Nội từ ngày 12 đến ngày 19/1/2011, tham dự Đại hội có 1.377 đại biểu thay mặt cho 3,6 triệu đảng viên trong cả nước. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.
- Chủ đề của Đại hội XI là: *“Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*
- Đại hội là thông qua 2 văn kiện lớn: *“Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH (bổ sung phát triển năm 2011)”* và *“Chiến lược phát triển kinh tế - Xã hội 2011-2020”*.

##### 2. Nội dung cơ bản

★ **Văn kiện quan trọng thứ nhất là “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH (bổ sung phát triển năm 2011)”** gọi tắt là Cương lĩnh năm 2011, kết cấu gồm bốn phần cơ bản giữ như Cương lĩnh năm 1991, có bổ sung, phát triển nhận thức mới ở tiêu đề và nội dung từng phần.

##### (1) Quá trình cách mạng và những bài học kinh nghiệm

- Cương lĩnh năm 2011 có
  - + Diễn đạt mới về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.
  - + Ngoài ra còn bổ sung ý nghĩa của những thành quả do các thắng lợi trên mang lại và đánh giá tổng quát sai lầm, khuyết điểm và nguyên nhân, thái độ của Đảng trước những sai lầm đó.
- Trong Cương lĩnh năm 2011, Đảng rút ra 5 bài học kinh nghiệm:
  1. Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH
  2. Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân do nhân dân và vì nhân dân. (Điểm khác so với Cương lĩnh năm 1991 là phân tích thêm nội dung “Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”)
  3. Ba là, không ngừng củng cố tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế
  4. Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế
  5. Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. (Cương lĩnh năm 2011 có sửa đổi hai từ “đảm bảo” bằng từ “quyết định”)

##### (2) Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

###### 1. Về đặc điểm, xu thế chung

- + Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ.
- + Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển.
- + Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ biển đảo, tài nguyên, cạnh tranh quyết liệt về kinh tế.
- + Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á tiếp tục phát triển.

###### 2. Đánh giá về CNXH

- + Liên Xô và các nước XHCN đã đạt được những thành tựu về nhiều mặt, từng là chỗ dựa của phong trào hòa bình và CMTG.
- + Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ là một tổn thất lớn cho phong trào cách mạng thế giới.

###### 3. Về mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản: Điểm khác so với Cương lĩnh năm 1991 là Cương lĩnh năm 2011 nêu rõ 8 đặc trưng và 8 phương hướng xây dựng CNXH.

###### 1) Về mô hình CNXH

1. Xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. (bổ sung)
2. Do nhân dân làm chủ
3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp
4. Có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc
5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện
6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển
7. Có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do ĐCS lãnh đạo (bổ sung)
8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

###### 2) Về mục tiêu tổng quát: khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.



**3) Về phương hướng cơ bản:** 8 phương hướng cơ bản sau đây:

1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường
2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội
4. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội
5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế
6. Xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất
7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

**(3) Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

**1. Về kinh tế**

- Nền KTTT định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần KT, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.
- Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển.
- Kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế.
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

**2. Về CNH - HĐH:** Cương lĩnh năm 2011 khẳng định:

- Phát triển KT là nhiệm vụ trung tâm, thực hiện CNH-HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, MT
- Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

**3. Về văn hóa - xã hội:** Chủ trương của Đảng là:

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc.
- Trong đó, con người là trung tâm của chiến lược phát triển.
- Coi phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.
- Cương lĩnh còn nêu rõ bảo vệ MT là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân.

**4. Về quốc phòng, an ninh:** Mục tiêu nhiệm vụ là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN, giữ vững hòa bình ổn định chính trị, an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội

**5. Về đối ngoại**

- Thực hiện nhất quán, độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế của đất nước
- Vì lợi ích quốc gia, dân tộc vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh
- “là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

**(4) Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của đảng**

**1. Dân chủ** xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

**2. Nhà nước** ta là nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các pháp quyền hành pháp, lập pháp, tư pháp.

**3. Đảng cộng sản Việt Nam**

**1) Về bản chất**

- ĐCS VN là đội tiên phong của GCCN, đồng thời là đội tiên phong của NDLĐ và của dân tộc Việt Nam
- Đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

**2) Nền tảng tư tưởng:** Lấy CNMLN và tư tưởng HCM làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

**3) Phương thức lãnh đạo** của Đảng, Cương lĩnh bổ sung làm rõ:

- Đảng cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội.
- Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy.
- Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn, bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của Đảng viên.

**4) Quan hệ Đảng với nhân dân:** Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

**5) Về xây dựng Đảng:** Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

**Ý nghĩa:** “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung phát triển năm 2011)” có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về lý luận và thực tiễn, thể hiện nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong quá trình Đảng ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh Việt Nam.

★ Văn kiện quan trọng thứ hai là “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020”

**(1) Mục tiêu tổng quát**

1. Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại
2. Chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận
3. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt
4. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững
5. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên
6. Tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

**(2) Ba bước đột phá chiến lược**

1. Hoàn thiện thể chế KT thị trường định hướng XHCN, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính
2. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ
3. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

**(3) Định hướng phát triển kinh tế, xã hội**

1. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện tốt chức năng Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường, chuyển mạnh về cải cách hành chính
2. Đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí
3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

*Ý nghĩa của Đại hội:* có ý nghĩa trọng đại, định hướng cho toàn Đảng, toàn dân ta tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng XHCN.

**3. Quá trình thực hiện**

Thực hiện chương trình toàn khóa XI (2011-2016), Trung ương Đảng tổ chức 14 Hội nghị, chỉ đạo tiếp tục đổi mới những vấn đề quan trọng sau

**(1) Về đổi mới kinh tế**

1. *Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/01/2012, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)* Về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.
2. *Kết luận số 22-KL/TW, ngày 25/5/2012, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)* Về việc tổng kết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước
3. *Kết luận số 50-KL/TW, ngày 29/10/2012, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)* về Đề án “Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”
4. *Kết luận số 74-KL/TW, ngày 17/10/2013, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)* về “Tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và nhiệm vụ năm 2014” và “Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về kinh tế - xã hội, trọng tâm là ba đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng”.

**(2) Xây dựng hệ thống chính trị**

1. *Bộ Chính trị đã Ban hành Chỉ thị số 03-CT/TW (5/2011)* về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM.
2. *Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/01/2012, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)* Về một số vấn đề cấp bách xây dựng Đảng hiện nay.
  - 1) Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng. → Vấn đề trọng tâm, xuyên suốt và cấp bách nhất
  - 2) Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.
  - 3) Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.
3. *Hội nghị Trung ương 4, khóa XI (1/2012)* đã đưa ra kết luận tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.
4. *Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 3/6/2013, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)* về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới.

**(3) Xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội**

1. *Nghị quyết số 20-NQ/TW BCH Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương (10/2012)* về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
2. *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)* “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”.
3. *Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)* về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
4. *Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 10/6/2012, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)* Về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020
5. *Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)* về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

**(4) Tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại**

1. Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

**4. Kết quả**

**(1) Thành tựu**

- Kinh tế có nhiều tiến bộ
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực
- Văn hóa, xã hội có bước phát triển, an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.
- Các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt được nhiều kết quả, góp phần quan trọng tạo môi trường, điều kiện thuận lợi và sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

**(2) Hạn chế**

- Đổi mới chưa đồng bộ và toàn diện.
- Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch; nhiều chỉ tiêu, tiêu chí trong mục tiêu phấn đấu để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được.
- Nhiều hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, xã hội, y tế chậm được khắc phục.
- Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.
- Bốn nguy cơ mà Đảng chỉ ra vẫn còn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp.
- Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi.
- Một số mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị chuyển biến chậm.

**e. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế**

**1. Bối cảnh diễn ra Đại hội**

- Tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, rất phức tạp, khó lường. Đất nước qua 30 năm đổi mới, thế và lực tăng lên rõ rệt, có cả những thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức gay gắt.
- Đại hội họp từ ngày 21 đến ngày 28/1/2016. Tham dự có 1.510 đại biểu thay mặt cho 4,6 triệu đảng viên trong toàn Đảng. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu làm Tổng bí thư của Đảng. Đại hội thông qua nhiều nội dung quan trọng trong Báo cáo chính trị của Đảng.
- Chủ đề của Đại hội là: *"Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ XHCN, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại"*.

**2. Nội dung cơ bản của Đại hội**

**(1) Kiểm điểm, đánh giá**

- Thành quả quan trọng, những hạn chế, yếu kém trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI (2011-2015)
- Tổng kết 30 năm đổi mới (1986-2016)
- Mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm (2016-2021).

**(2) Mục tiêu tổng quát**

- Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.
- Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.
- Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.
- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.
- Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

**(3) Xác định chỉ tiêu quan trọng:** Về kinh tế + Về xã hội + Về môi trường

**(4) Xác định nhiệm vụ trọng tâm**

1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.
2. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, linh hoạt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.
3. Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện 3 bước đột phá chiến lược.
4. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia; giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
5. Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần; giải quyết tốt những vấn đề bức thiết, tăng cường quản lý phát triển xã hội
6. Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

**Ý nghĩa Đại hội:** Đại hội XII của Đảng là Đại hội "Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới", tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

**3. Quá trình thực hiện**

**(1) Phát triển kinh tế**

1. *Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 1/11/2016 (khóa XII) ra Nghị quyết số 05/NQ-TW* về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế.
2. *Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (ngày 3/6/2017) ra 3 nghị quyết quan trọng về kinh tế*
  - 1) *Nghị quyết số 10-NQ/TW* về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
  - 2) *Nghị quyết số 11-NQ/TW* về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
  - 3) *Nghị quyết số 12-NQ/TW* về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.
3. *Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) ngày 22/10/2018 ra Nghị quyết số 36-NQ/TW* về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**(2) Đổi mới hệ thống chính trị**

1. *Bộ Chính trị khóa XII ban hành Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị (5/2016)* tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
2. *Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) ngày 30/10/2016 ra Nghị quyết số 04/NQ-TW*, về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng
3. *Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) ngày 19/5/2018 ra Nghị quyết số 26-NQ/TW*, về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

**(3) Giải quyết các vấn đề xã hội**

1. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (Ngày 25/10/2017) ra Nghị quyết số 20-NQ/TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết về công tác dân số trong tình hình mới.
2. Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) (ngày 21/5/2018) ra 2 nghị quyết:
  - 1) Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp
  - 2) Nghị quyết số 28-NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

**4. Kết quả**

**(1) Thành tựu**

- Kinh tế tăng trưởng từng bước vững chắc và ngày càng được cải thiện, quy mô KT ngày càng mở rộng, cân đối tốt nền kinh tế được.
- Cơ cấu LD chuyển dịch theo hướng tích cực, xuất khẩu lao động có bước đột phá, an sinh XH được quan tâm thực hiện và bảo đảm.
- Kịp thời hỗ trợ cho người nghèo và người bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lụt và huy động hàng nghìn tỉ đồng hỗ trợ người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội.
- Trước tác động ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, Nhà nước có nhiều biện pháp hỗ trợ người dân, người lao động.
- Hệ thống y tế dự phòng từ Trung ương đến địa phương và mạng lưới y tế cơ sở được tiếp tục củng cố và phát triển; đã từng bước kiểm soát được dịch bệnh Covid-19, không để lây lan trên diện rộng, được ghi nhận và đánh giá cao.
- Các hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân đạt được nhiều kết quả quan trọng.

**(2) Hạn chế**

- Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc, cung ứng điện chưa đáp ứng yêu cầu.
- Công tác quy hoạch, kế hoạch và việc huy động, sử dụng các nguồn lực còn hạn chế, kém hiệu quả, đầu tư còn dàn trải; quản lý nhà nước đối với DN nói chung còn nhiều yếu kém, việc thực hiện chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước còn bất cập.
- Tăng trưởng kinh tế vẫn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu.
- Các lĩnh vực văn hoá, xã hội có một số mặt yếu kém chậm được khắc phục, nhất là về giáo dục, đào tạo và y tế; đạo đức, lối sống trong một bộ phận xã hội xuống cấp.
- Môi trường ở nhiều nơi đang bị ô nhiễm nặng; tài nguyên, đất đai chưa được quản lý tốt, khai thác và sử dụng kém hiệu quả, chính sách đất đai có mặt chưa phù hợp.

## g. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021) của Đảng Cộng sản Việt Nam

### 1. Bối cảnh diễn ra Đại hội

- Đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen, nhiều vấn đề chiến lược mới đặt ra cần phải giải quyết, từ tình hình quốc tế, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường đến các thách thức mang tính toàn cầu về biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và cả những thành tựu ngoạn mục của tiến bộ khoa học công nghệ đang tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống kinh tế - xã hội của đất nước ta cũng như toàn thế giới.
- **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII khai mạc sáng 26/01/2021**, Đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.
- Chủ đề của Đại hội là *"Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy ý chí và quyết tâm phát triển đất nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"*
- Với tinh thần "Đoàn kết - dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển" Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng đã thảo luận và thông qua nhiều văn kiện quan trọng như: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp Trung ương khóa XII; Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII trình Đại hội XIII.

### 2. Nội dung cơ bản

#### (1) Đại hội đã tổng kết quá trình thực hiện kế hoạch trong nhiều năm qua

#### (2) Đại hội xác định năm quan điểm chỉ đạo, trong đó nhấn mạnh:

- Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM; Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH
- Kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng.
- Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.
- Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân.

#### (3) Đại hội xác định mục tiêu tổng quát

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng
- Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện
- Củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa
- Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại
- Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hóa
- Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định
- Phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

#### (4) Đại hội xác định mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.
- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.
- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

#### (5) Đại hội đề ra định hướng các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 Về kinh tế + Về xã hội + Về môi trường

#### (6) Đại hội xác định định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 gồm 12 nhóm vấn đề và 6 nhiệm vụ trọng tâm:

1. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh.
2. Tập trung kiểm soát đại dịch Covid-19, phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững.
3. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.
4. Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam.
5. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh.
6. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai khắc nghiệt.

#### (7) Đại hội xác định ba đột phá chiến lược

1. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
2. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt.
3. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.